

Năm thứ hai — Số 71

Tuần-lễ từ thứ tư 4 Novembre
đến thứ ba 10 Novembre 1942

TRI TÂN

Tạp-chí văn-hóa ra hằng tuần

Tòa báo : 195, Phố Hàng Bông, Hà-nội

TRONG SỐ NÀY :

Những chuyện mê-tin, hoang-giương xen
trong sử sách

Hoa-Bằng

Tra nghĩa chữ nôm (XXII)

Nguyễn văn-Tố

Cách viết khoa-học (II)

Nguyễn Trọng-Thuyết

Ôc khoa-cử từ đông sang tây

Phạm Mạnh-Phan

Thơ Đường ở Nhật-bản (V)

Bách-thảo Sương Tiên-nữ

Từ Hà-nội đến hồ Ba-bể (du-ký, XI)

Nhật-Nham

Đời bí-mật của nàng Trương Thúy-Kiều

Hoàng-Diệp

Những ông nghề triều Lê (XLI)

Ứng-Hòa

Tài liệu để đính-chính những bài văn cổ XLVI

Nguyễn văn-Tố

Nam dân bát châu (VII)

Tùng-Vân Nguyễn đơn-Phục

Tùy hứng

Hằng-Phương, Cách-Chi

Bản sách-dẫn về « Đại Nam liệt
truyện » (IX)

Thọ-Xuân Lê văn-Phúc

Trúc mai sum-hợp (tiểu-thuyết, XIX)

Chư-Thiên

Vấn-đề sử-học ở ta

Những chuyện mê-tin, hoang-đường

XEN TRONG SỬ SÁCH

HOA-BÀNG

Một bữa, ngồi ăn với mấy bạn trẻ, nhân nói về chuyện lịch sử Việt-nam, tôi có nêu lên một vấn-đề tuy là câu chuyện nói chơi trong một lúc bấy giờ, nhưng nay xét ra, thấy nó quả có tính cách quan - trọng đối với sử-học :

—Người minh xưa nay thường hay xen vào trang lịch-sử các bậc vĩ-nhân những chuyện được mà mỗi đụn, được mà thày tàu đề, chẳng hạn như ngôi mộ phát tích ở động Chiêu - nghi (1) của nhà vua Lê Thái-Tổ, 1428 - 1433, ngôi mộ « kết-phát » ở Bình-định (2) của nhà vua Quang - trung, 1788-1792. Như vậy rất dễ gieo rắc vào óc người ta những thói mê-tin, ỷ-lại, làm giảm thanh-giá của vĩ nhân Việt-nam. Vì e người ta quá tin vào những truyền-thuyết ấy rồi quên mất cả những sức phấn đấu, tài thao lược, chí anh dũng và lòng hi-sinh của những tay hào-kiệt đã tạo thời-thế.



Chọn Thăng-long làm kinh-đô, vua Lý Thái-Tổ, trong con mắt trông xa của ngài, chỉ thấy Thăng long là một chỗ địa lợi rất tốt, nên ngài đã nói trong bài chiếu thiên đó : « ... Cổ-đô Đại-la thành trạch thiên-địa khu vực chi trung, đắc long bàn hồ cử chi thế, chính nam bắc đông tây chi vị, tiện giang sơn hướng bội chi nghi. Kỳ địa quảng nhi thần bình, quyết thổ cao nhi sáng khải, dân

cư miệt hôn diêm chi khốn, vạn vật cực phồn phú chi phong, biến lăm Việt bang, tư vi thắng địa : Thành tứ phương bức tấu chi yếu hội, vi vạn thế đế vương chi thượng đô ... » (3)

Thế là vua Lý-Tổ chỉ chú-trọng vào phương - diện tiện - lợi của Thăng-long vì nó là trung - tâm-điểm của đất nước, đất rộng mà cao, vật nhiều mà thịnh, bốn phương sum họp đông đúc, núi sông liên lạc tiện nghi. nên ngài mới từ nơi Hoa lư nhỏ hẹp, như rồng vươn mình lên chỗ đất bằng phẳng sáng khải ấy mà bay nhẩy vẫy vùng. Bản tâm ngài không phải mê-tin về địa-lý.

Vậy mà những người tin địa lý lại có những lời so sánh chẳng giá trị gì, khi họ bàn về địa thế Thăng-long !

Không ngờ những lời viển vông ấy lại được sử-gia Ngô-Giáp-Đậu dẫn vào chỗ lời bàn dưới đoạn sử chép về Thục An-Dương-Vương : « Nhà địa-lý luận về đất hình-thăng của đế vương có cho rằng : đất Cồ-loa kém đất Cồ-bi nhưng hơn đất Thăng-long ». — Dịch theo nguyên văn chữ hán trong Trung học Việt sử toát yếu, xuân tập, tờ 26a. Dẫn lời địa-lý ấy, tuy sử gia Ngô-Giáp-Đậu cốt để cãi lại rằng Loa-thành thực kém vì chỉ có cái thành đất nhỏ mọn, chứ không có núi sông hiểm trở. Nhưng đã vô tình gợi cho độc-giả cái mối suy nghĩ vẩn vơ, so sánh bá-láp

về kinh-đô của các đế vương theo thành kiến địa-lý !



Ngoài những chuyện mê-tin về địa-lý, sử gia xưa lại không phê-phán sử-liện, lựa chọn sử-liệu, nên đã trộn lẫn những chuyện thần-thoại vào chính sử.

Ở phần chữ nho trong sách Đại Nam quốc sử diển ca (3) của các ông Lê-Ngô-Cát, Phạm Xuân-Quế và Phạm-Đình-Thối xuất bản năm canh-ngọ, hiệu Tự - đức thứ 23, 1870, tờ 4, có chép về chuyện Sơn tinh Thủy tinh (hoặc Sơn - tinh Thủy-tinh) ở đời Hùng - vương (hoặc Lạc - vương) rằng : « Vua Hùng-vương đời sau rốt, có con gái gọi là My-nương. . . Bấy giờ có hai người từ ngoài đến, bài kiến nhà vua mà cầu thân. Vua hỏi thì họ nói một người là Sơn-tinh, một người là Thủy tinh. Vua nói : « Ta có một người con gái há lại lấy được cả hai rề hiên ? » Rồi ngài hẹn đến ngày mai hễ ai mang đủ lễ đến trước thì ngài gả con gái cho. Hôm sau, Sơn tinh đem những đồ quý báu, vàng, bạc, sơn-cầm, đã thú đến trước lấy dâng. Vua theo lời hẹn gả cho. Sơn tinh đón dâu về núi Tản - viên. Thủy - tinh đến sau, hối hận không kịp, bèn làm mây mù, mưa trút, nước lên tràn trề, rồi kéo các giống thủy-độc đuổi theo. Sơn tinh dương lưới sắt chắn ngang phía thượng

lưu hạt Từ-liêm để chống cản lại. Thủy-tinh do con sông khác, từ Ly-nhân (4) theo giòng Hát-giang vào sông Đà để đánh úp. Thần Sơn-tinh hóa phép gọi thỏ-nhân đan tre làm phen để ngăn-cản nước, rồi lấy nổ bắn xuống. Loài thủy tộc trúng tên, phải lánh chạy. Rút cục chẳng xâm-phạm được. Từ đó về sau, hai bên trở nên thù nhau đời đời. Hằng năm, cứ đến mùa nước lớn, hai bên thường đánh nhau».

Mà phần chữ nôm sách ấy cũng chép :

«Thủy-tinh lỡ bước chận chân,
Đùng đùng nổi giận đem ân
làm thù:

Mây tuôn, gió thổi mịt mù,
Ào ào rừng nọ, ù ù núi kia !
Sơn thần hóa phép cũng ghê ;
Lưới dang giòng Nhị, phen che
ngàn Đoài.

Núi cao, sông cũng còn dài,
Năm năm báo oán, đời đời đánh ghen».

— Phiên Âm theo bản chữ
nôm do nhà Trí trung-đường
khắc gỗ và in



Dẫn những đoạn sử sách trên, tôi chỉ có ý tỏ rằng phương pháp chép sử của ta xưa hãy còn có những cái khuyết điểm như thế.

Dẫu vậy, không phải ngày nay chúng ta mới thấy đâu, mà trước đây hàng hơn nửa thế-kỷ, các sử thần trong Quốc-sử quán triều Nguyễn đã nói trong mục «phạm-lệ» ở bộ Khâm định Việt-sử thông-giám cương mục, quyển đầu, tờ 12 : «Những việc sử cũ đã chép có nhiều cái hoang đường trái thường, nay đều bỏ đi không viết vào, gián hoặc cũng còn để lại một đôi việc ở chỗ lời «chú» để truyền lại những cái đáng ngờ...»

Phương-pháp ấy của Quốc-sử quán rất háy, ta nay phải nên thừa nhận như vậy.

Thế mà trong đám nhà văn ngày nay, nhiều người tự mạng là những tay giương cột của sử-học, khi chép về vua Quang-trung, họ cũng vẫn cứ đi theo vết lấm của cồ-nhân, không chịu gạt bỏ những tài liệu hoang đảo. Cử lệ :

Nguyễn Huệ vác xương tiến nhán lên táng vào cái huyết thủy tàu đề cho rồi, liền thấy trong người đổi khác, và vua Quang-trung không phải là người không có học vì Ngô-Thị-Nhậm nằm mơ thấy ngài chữa lại tờ chiếu cho Ngô !

Thế là trái với phương-pháp khoa học.

Thế là phạm vào những điều tối kỵ trong khoa sử học ngày nay.
HOA-BẮNG

«Lam-sơn thực-lục» là một truyện-ký bằng chữ nho chép về vua Lê Thái-Tổ. Sau một tờ đầu chỉ cho ta biết quê-quán và dòng-dõi vua Lê, sách ấy xen ngay đến chuyện mà nay có thể gọi là hoang đường:

«... Trước kia, khi vua chưa sinh, ở dưới cây rừng xứ Da-sơn tại huyện Thụy-nguyên, Thanh-hóa, thường có con hổ đen quen người và chưa từng làm hại ai.

«Đến giờ tý, ngày mồng sáu, tháng tám, năm Ất-sửu, vua sinh ra. Từ đó, không thấy con hổ ấy nữa, người ta lấy làm lạ...

«... Bấy giờ vua sai người cày ở xứ Phật-hoàng, đồng Chiêu-nghi. Chợt có một vị sư già, mặc áo trắng, từ xóm Đức-trai đi ra, cười mà rằng :

« — Quý thay, chỗ đất này ! Thế mà không có ai đáng để ta dặn bảo !

« Người nhà thấy vậy, vội chạy về báo ngài. Ngài liền chạy theo đi tìm để hỏi. Có người báo cho ngài biết rằng sư già đã đi lên phía trước rồi, Ngài tức-tức đuổi theo. Đến

sách Quần-đội, huyện Lôi-dương, ngài thấy một cái thỏ tre có đề rằng : Tuổi đúng 40, vắng linh mạng trời : số đã định thế. Tức rằng không kịp ! Ngài thấy đề thế, mừng lắm, lại đuổi theo.

« Khi đó, có con rồng vàng phũ trên ngài. Thành-linh ngài gặp vị sư ấy. Sư bảo ngài rằng :

« — Tôi họ Trịnh, hiệu Bạch-thạch sơn-tăng, từ Ai-lao xuống đây. Ngày nay thấy ông khí-tượng khác thường, tất ông có thể làm nên việc lớn.

« Ngài quí xuống trình bày rằng : Địa-mạch của kẻ đệ-tử này quí hay tiện thế nào ? Mong tôn-sư bảo rõ cho !

« Sư nói :

« — Ở xứ Phật-hoàng đồng Chiêu-nghi có một thửa đất độ nửa sào, hình như cái quốc Ấn, bên hữu có thái-đường. Trong núi Chí-linh có gò đất Tiên-bạn, lấy Chiêu-sơn làm án. Phía trước có Long-sơn, trong có Long hồ. Đó là kiểu đất ruột ốc. Nước tay hữu uốn quanh, núi ngoài la-liệt. Về phần nam-tử, thì quí-hiền không thể nói được ; chỉ giếm một nổi nữ-chùa thì thất tiết ! Tôi e con cháu của ông sau này có cái thế phải phẫn-cư. Nhưng tội vận có thể trung-hưng được. Thế là đủ biết mệnh trời. Nếu gặp thầy giỏi biết cải táng thì trung-hưng được 500 năm nữa.

« Sư nói xong, ngài liền đem ngôi hoàng-khảo mà táng vào chỗ đất ấy.

« Đến giờ dần, ngài về tới Dao-sá hạ-thôn thì vị sư ấy bèn hóa mà lên trời.

« Ngài nhân chỗ sư hóa ấy lập làm cái đền Da-tiên, còn chỗ đồng Chiêu-nghi thì lập cái tiền am tuơ là nơi mộ Phật-hoàng. Đó là chỗ đồng phát tích vậy.»

— Dịch theo nguyên văn chữ nho.

2) Người ta tin rằng Nguyễn Huệ làm nên là nhờ ngôi mộ ở Gò găng gần thành Bình-bịnh một ngôi phát-tích của nhà Tây-sơn. Người vùng ấy đến nay còn truyền tụng mấy câu về kiểu đất ấy :

xem tiếp trang 24

TRA NGHĨA CHỮ NHO

Số 22 Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TÔ

XII. — Chữ N (bài nối)

Lý-công-Tá đời Đường làm bài Nam-kha ký, đại lược nói: Thuần-vu Phần một hôm uống rượu dưới bóng cây hòe trong vườn, say rượu nằm mộng thấy đến nước Hoè an. Vua nước ấy gả con gái cho, rồi cho làm thái thú quận Nam-kha, vinh hiển rất mực, sau đánh giặc bị thua, công chúa cũng mất, vua sinh ngờ ghét, cho về. Giật mình tỉnh dậy, trông vào cái hang ở dưới cây hòe, thấy có đàn kiến ở trong, tức là nước Hoè-an đấy. Gọi là quận Nam-kha, tức là cảnh phía nam. Thuần-vu-Phần tỉnh-ngộ, mới biết đời người nhanh chóng, bèn đề tám vào cửa Đạo (đạo-giáo), dứt bỏ tửu sắc. Truyện này là truyện ngụ-ngôn: người đời sau gọi giấc mộng là Nam-kha vốn ở truyện này. Cung-oán có câu: « Giấc Nam-kha khéo bất-bình, Bùng con mắt dậy thấy mình tay không ! »

Nguyễn văn chữ Hán bài Nam-kha ký của Lý-công-Tá in trong bộ Đường-đại-tùng-thư, quyển 15, bộ Long-vy bí thư, tập bốn, sách năm, v.v. Bài dài lắm, tôi dịch hai trang đầu để đọc-giã xem một lối văn bịa tạc đời Đường: « Ở đất Đông-bình có một người tên là Thuần-vu-Phần, Phần là kẻ du-hiệp nước Ngô nước Sở, có tính «tửu sử», bị rượu sai khiếm, không giữ nề na. Nhà giàu lớn, nuôi hào-khách. Phần do nghề võ được bổ tỳ-lương đạo quán Hoài-nam, nhân say rượu phạm đến tướng-soái bị đuổi, hể ra người lạc phách giang hồ, lại càng ham rượu. Nhà ở phía đông quận Quảng-lãng, rộng mười dặm. Phía nam khu nhà ở, có một gốc hòe cổ rất lớn, cành to và dài, lâu năm xanh tốt, bóng râm đến vài mẫu. Gặp ngày sinh-nhật, ngồi uống rượu ở dưới bóng cây hòe. Hôm ấy là ngày tháng chín năm Trĩnh-nguyên thứ bảy Vì uống rượu say quá, Phần bị cảm; hai người bạn trong bọn hào-khách bèn khiêng Phần vào trong nhà, đặt nằm ở giường trái đông, bảo Phần rằng: « Nhà ngươi ngủ đi, chúng tôi sẽ ba bọc ngựa rửa chán, đợi khi nhà ngươi khỏi mới đi. » Phần bỏ khăn, nằm ngủ, tự nhiên người mê-mẩn như trong giấc chiêm-bao, thấy hai sứ-giả áo tía đến quì trước Phần mà nói rằng: « Vua nước Hoè an sai tiều-thần đến đón ngài. » Phần xuống giường, tắm rửa khăn áo, đi theo hai sứ-giả đến cửa, thấy một cái xe nhỏ sơn xanh ngựa trắng, hai bên có bảy tám người đi theo, mời Phần lên xe. Lên xe rồi, ra khỏi cổng cái, nhằm vào hang cây hòe cổ mà đi. Sứ-giả dẫn đường đưa vào trong hang Phần lấy làm

lạ, có ý ngờ, không dám hỏi, chợt thấy non sông khi hậu, đường sá cỏ cây, khác hẳn cõi trần. Đi lên độ vài mươi dặm nữa, thấy có thành quách đường-lũy; xe-cộ nhân vật, đi lại, luôn luôn ngoài đường; những xe ở tả hữu Phần truyền gọi rất nghiêm, người đi tránh nép ở hai bên vĩa hè. Khi vào đến thành lớn, thấy lầu hai tầng, cửa sơn son, trên lầu có bốn chữ «Đại Hòe-an quốc» bằng vàng. Người canh cửa rào đi trước, có ý sợ hãi. Lại có một người cuỡi ngựa quanh ra hỏi to rằng: « Vua truyền phò-mã đi xa đến, hãy nghỉ tạm ở quán Đông-hoa ». Nói xong, đi trước dẫn đường. Chợt thấy một cửa mở rộng, Phần xuống xe bước vào, thấy cột nhà thì chạm; lan-can sơn màu xanh đỏ, cỏ cây và những hoa quả quí-báu bày khắp ở trước sân... » Câu chuyện chiêm-bao cứ thế kéo dài trong mười sáu trang nữa !

Ở trang 172 quyển Tầm-nguyên từ điển, ông Lê văn Hòe cắt nghĩa chữ nô lệ như sau: « Ngày xưa về thời-đại chuyển-chế, con trai, con gái phạm tội đều phải sung làm đầy tớ các nhà quí-tộc. Hạng đầy tớ ấy, con gái thì gọi là nô, con trai thì gọi là lệ. Bảy giờ nô - lệ chỉ còn nghĩa là đầy tớ. » Từ nguyên nói « con gái của tội nhân, bị tội lấy, làm đầy tớ các quan, gọi là nô-tì; nay những người tội-tử đã bán cho người ta rồi, theo họ của chủ cũng gọi là nô; nếu tính công trả tiền thì gọi là cố-công. Nô còn nghĩa là lời nói khiếm của người đàn bà. Trong truyện Lục-lá-Phu ở Tống-sử có chép Dương-thái-phi làm vua thay con cùng quần thần nói chuyện, tự xưng mình là nô ». Còn chữ lệ, Từ nguyên chép sáu nghĩa: một là phụ-thuộc, Hậu-hán thư có câu: «Bộ-phận chư tướng các hũu phối lệ», bộ phận các tướng đều có phụ-thuộc. Nghĩa thứ hai là gọi nước hèn. Ngày xưa thường lấy « lệ-nhân » là người có tội, hoặc gia-thuộc người có tội, làm việc khổ-nhọc. Nghĩa thứ ba là tên một lối viết chữ Tào: lối này của Trĩnh-Điều đời Tần làm ra trước. Điều làm ngục lại bị tội, giam ở Văn dương; trong khi bị giam, thêm bớt lối đại-triệu, viết thành lối lệ: Thủy-hoàng khen cho làm ngục-sử. Lệ có hai lối: một lối «tâm đầu gối-vĩ», nghĩa là đầu con lằm, dưới con gối; một lối là «trăm đình tiết-thiết», nghĩa là nét nào cũng cứng như danh như sắt. Chữ lệ còn nghĩa thứ tư là xem xét. Nghĩa thứ năm là học tập: sử ký có câu «Quần-thần tập lệ», chưa nghĩa là «lệ diệc tập giã», các bầy-tôi tập-luyện. Nghĩa thứ sáu là tên họ: đời Hán có Lê-duyên-Chí. (Còn nữa)

Tự vị chữ nhỏ cắt nghĩa chữ ngại là s¹, tức là ngáy dại. Tự-diễn Khang-hi chép thêm một câu trong sách Quảng-vận như sau : « Chữ ngại là tương hình con chó khi còn nhỏ ».

Dưới chữ nghiệt tử ở trong quyển Tầm - nguyên từ-diễn, phải chữa chữ nghiệt một bên đầu bộ thảo, dưới chữ phụ một bên chữ tân Ông Lê-văn-Hòa viết chữ thai một bên chữ tân thì nhầm.

Nghiệt tử là con vợ thứ, thường không được yêu Sách Mạnh tử có câu : « Đức cô thần nghiệt-tử », một mình kẻ cô thần kẻ nghiệt-tử Thường gọi tắt là cô nghiệt. Cô thần là « cô lập vô viện chi thần », bề tôi đứng một mình không ai giúp. nghĩa bóng là một mình ngay thẳng, còn gian nịnh cả.

Dưới chữ ngoại ô ông Lê - văn - Hòa cắt nghĩa « ô là thành phố nhỏ » Từ-nguyên chỉ cắt nghĩa là cái thành nhỏ « tiểu chướcng giả », ngoài làng xóm đắp đất làm thành để ngăn ngừa trộm cướp Hậu Hán thư chép « Đồng-Trác đắp thành nhỏ ở đất My gọi là Vạn-tuế-ô » : « Đồng-trác trác ô. ư My hiệu Vạn tuế ô » Chữ ô còn nghĩa là đồi núi. Phàm bốn mặt cao, mà giữa trũng đều gọi là « ô ». Đào đất làm hào, thuyền đi trên nước. gọi là thuyền ô

Sách Thuyết văn chép một câu : « Trục - ngôn viết ngôn, luận nạn viết ngữ », nghĩa là nói thẳng gọi là ngôn, bàn bạc biện bạch gọi là ngữ. Sách Chu-lễ chú có câu : « Phát đoan viết ngôn, đáp thuật viết ngữ », nói mở đầu gọi là ngôn, lời đáp thuật gọi là ngữ Ở chữ ngữ, quyển Từ - nguyên cắt nghĩa rằng : « Tự ngôn viết ngôn, đáp nạn viết ngữ », tự nói ra gọi là ngôn, đáp lại rõ ràng gọi là ngữ. Kinh Lễ có câu : « Tam niên chi tang, ngôn chi bất ngữ », trong khi tang ba năm, chỉ nói mà không nên biện bạch. Từ nguyên còn cắt một nghĩa nữa là nói to gọi là ngôn, nói nhỏ gọi là ngữ : « đại ngôn viết ngôn, tiểu ngôn viết ngữ ». Sách Luận ngữ có câu : « Thục bất ngữ, tâm bất ngôn », ăn không nói nhỏ ngủ không nói to, nghĩa là khi ăn khi ngủ không nên nói, dù nói nhỏ cũng không được.

Ông Lê văn Hòa nói Ngũ hồ « chính là một tên khác của Thái-hồ, một cái hồ chu vi tám trăm dặm, ở vào khoảng giữa hai tỉnh Giang-tô, Triết giang nước Tàu Ngũ-hồ đây tức là Thái-hồ chứ không phải là năm cái hồ như ta vẫn tưởng lầm ». Từ-nguyên chép quyển Trương-Bột-Ngô lục nói Ngũ hồ là tên riêng Thái-hồ, nhưng cũng có một

nghĩa nữa là năm hồ ở năm nơi xa cách Thái-hồ ; cái nghĩa này chép trong Ngô-Việt xuân-thu, Hậu-Hán thư, Thủy kinh chú, Sử-ký chính - nghĩa. v. v , quyển Từ-nguyên có sao lại cả.

Dưới chữ ngược, ông Lê văn Hòa nói rằng : « Mền thượng-du nước ta, rừng núi nhiều, khí hậu nặng, người ta mới tới thường hay mắc chứng sốt rét rừng liên-miên, mỗi ngày một cơn, hoặc cách một ngày hai ngày một cơn. Người Trung-hoa sang có việc ở miền đường ngược nước ta thường hay mắc các chứng sốt đó Họ không biết gọi là bệnh gì cho đúng, vì đó có một bệnh mới, nên lấy luôn tên mạn ngược là nơi phát bệnh mà gọi là bệnh ngược : ngược-tật ». Ông Lê văn Hòa nói thế thì sai, vì chữ ngược ở trong tự-diễn Khang-hi có dẫn Kinh Lễ, thiên Nguyệt-lệnh, về tháng mạnh-hạ rét nóng không đều, dân nhiều bệnh ngược : « mạnh-hạ chi nguyệt, hàn nhiệt bất tiết, dân đa ngược tật ». Sách Chu-lễ, Thiên quan tật y có câu rằng : mùa thu có bệnh ngược là bệnh sốt rét : « thu thời hữu ngược, hàn tật » Chu-lễ chưa nghĩa là « mùa thu khí dương gần hết, khi âm mới thịnh, hành hỏa khắc hành kim, vừa rét vừa nóng, cho nên gọi là « ngược hàn » nghĩa sốt rét, Xem như thế thì chữ ngược đã có từ đời Chu, tức là năm 1122-247 trước kỷ-nguyên Ông Lê văn Hòa viết nhầm chữ ngược.

Còn nữa

Ứng-hòa NGUYỄN-VĂN-10

Đặc-san về Xuân quý-mùi.

Bao nhiêu năm trời, vũ trụ cũng vẫn cái xuân ấy.

Bao nhiêu giấy mực, báo chí bấy nay cũng vẫn ca tụng cái xuân ấy.

Xuân này, Tri-Tân, vì chiều ý nhiều bạn đọc yêu-cầu, lại làm số Xuân.

Nhưng, chúng tôi muốn cho số Xuân quý mùi này phải tiến-tới hơn, phải đặc-sắc hơn : Cái đó còn trông ở sức cộng-tác của các bạn, ngoài phần nỗ-lực của chúng tôi.

Vậy mong ngay từ bây giờ, các bạn thân yêu hãy có sáng-kiến gì hay, tài-liệu gì quý, xin làm ơn gửi đến bản-chí. Hết bài nào đăng được, sẽ có biểu riêng số xuân ấy để làm kỷ-niệm. Vậy, kèm theo bài, xin bạn nhớ đề rõ địa-chỉ cho. Đa-tạ trước.

TRI-TÂN

CÁCH VIẾT KHOA-HOC

(Tiếp theo kỳ trước)

NGUYỄN TRỌNG-THUYẾT

III — Thế nào mới thật là chuyên-môn tự? Hay là những điều kiện mà một chữ chuyên môn cần phải có (Les qualités requises d'un mot technique).

Những chữ chuyên môn mà thật cần phải có thì không thể dịch được, tiếng nước nào cũng thế.

Người Pháp dùng thường - ngữ pháp để dịch một ý cần phải có chữ chuyên-môn cũng không làm được. Tiếng nước nào cũng vậy, đa-vận hay độc-vận cũng thế, không riêng gì tiếng ta.

Chữ chuyên-môn với đoạn thường ngữ.

Nếu dùng những tiếng đã có nghĩa sẵn, những chữ đã có rồi, chấp nối lại mà dịch một ý cần phải có một chữ chuyên môn, thì cái nhóm chữ ấy muốn viết thế nào thì viết, nếu không biến-cải di-dạng hẳn nó đi để làm một chữ mới tinh tạo (tant que la transformation de l'expression n'est pas totale pour la muer en un mot nouveau), nếu tại mắt mình vẫn còn thấy trong cái nhóm chữ ấy riêng rẽ ra từng chữ một (tant que l'oeil et l'oreille distinguent encore dans la

location des mots et nom des éléments) thì cái đoạn ấy vẫn chưa thành một chữ được. Tiếng pháp hay tiếng việt, tiếng đa vận hay tiếng độc-vận cũng vậy. (Un mot composé n'est un mot que lorsqu'on n'y distingue plus que les éléments et non les mots dont il est composé).

Mỗi chữ chuyên-môn chỉ có thể là một chữ và một chữ thôi.

Về chuyên-môn ngữ, thì mỗi vật, mỗi ý tỹ-mĩ (sens res'reint, signification précise) phải có một chữ, và một chữ thôi, mới được, nếu không thì thiếu một cái gọn gàng mà mình bạch của những chữ chuyên môn đi rồi, không ai cần phải đặt ra một hạng chữ riêng gọi là chữ chuyên-môn nữa.

Chữ chuyên-môn phải học mới biết.

Đã gọi là chữ chuyên-môn, thì bất cứ tiếng nước nào, phải học mới biết được, đừng như một nhà nho kia muốn rằng người thông chữ nho, lần đầu tò mò đến khoa-học, vớ lấy một cuốn sách, bất cứ giở chỗ nào ra mà đọc cũng hiểu những chữ chuyên-môn ngay. Muốn thế là muốn một cái không thể được.

Chữ chuyên môn phải học theo thứ tự, học khoa học phải học từ đầu cuốn sách trở xuống.

Muốn biết khoa-học phải đi dần dần từ A đến B đến C, làm cho khi đọc đến một chữ chuyên môn nào là hiểu ngay chữ chuyên môn ấy một cách tường tận, tinh-vĩ đầu khoa học viết bằng thứ tiếng mẹ đẻ của mình cũng vậy.

Nên các sách khoa-học giáo khoa, sách nào cũng phải lần lượt định nghĩa (définir) những chữ chuyên môn đã, nên hậu mới giảng đến khoa-học được, đầu rằng những chữ chuyên-môn ấy là những chữ có thể đoán ra mà hiểu được. Vì có đoán ra mà hiểu, cũng chỉ hiểu cái đại khái, không hiểu một cách tỉ mỉ là cái đặc tính của những chữ chuyên-môn và của lời khoa học. Muốn hiểu đại khái như vậy là muốn hiểu khoa-học bằng bộ óc không có khoa học một chút nào.

Viết sách khoa học phải viết cho có thứ tự.

Nói về hình học, phải giải nghĩa, phải định nghĩa từ cái chấm, cái vạch trở đi; nói về hóa học phải bắt đầu định nghĩa thế nào là nguyên - tố, thế nào là hợp-

với quyền

LÔNG NGỔNG GIEO TÌNH

Thi sĩ Việt-Châu đã được hoan-nghehnh thế nào?

...Việt-Châu thực là một nhà thi sĩ hoàn toàn, tài hoa... Trọn quyền « Lông Ngổng Gieo Tình », câu nào cũng hay đều như nhau, chứ không phải là tôi đã lựa chọn những câu hay nhất mà trích ra đây.

Nguyễn-Tiến-Lãng, báo Trùng-An.

...Thơ Việt-Châu gồm đủ du dương, tình tứ, hùng tráng, lâm tỵ. Một bài phê bình không sao kể xiết được những cái hay trong truyện L. N. G. T.

Bùi-Thế-Mỹ, Dân-Báo.

Tôi đã kinh ngạc khi đọc đến bài L. N. T. trong quyền L. N. G. T... Tôi có cái thú như khi đọc đường thi, các bài của Trương-Kế, Vương-Xương-Li.

Đỗ-Huy-Nhiệm, Hanoi

Nhà xuất bản Kim-Chi

Đã có bán khắp nơi : Hương-Sơn Hanoi, Hương-Giang Huế N. Khánh-Đàm Saigon

tổ trở đi ; nói về số học, phải định nghĩa từ số một, số hai trở đi.

Nhiều nhà nho chưa làm quen với khoa học bao giờ, không thể tin lời tôi nói được. Thì đây, thưa các ngài, hình học định nghĩa chữ *chấm* như thế này : « Cái *chấm* nó không có chiều ngang, chiều dọc, chiều sâu hay chiều cao gì cả » thì nghe làm sao được. Đây cái *chấm* của hình học là thế ; chữ *chấm* một chữ chuyên môn của hình học, nghĩa nó là thế, chứ có phải cái *chấm* hạt chanh của ngài bút lông hay cái *chấm* hạt oát của ngài bút sắt đâu. Hình học lại dạy rằng « Trên một cánh đồng phẳng chẳng hạn, muốn đi từ gốc cây A đến gốc cây B, con đường ngắn nhất là con đường thẳng » thì có ngờ ngẩn không ?

Vậy mà khoa học nào cũng khởi thủy ở chỗ ngờ-ngẩn như thế cả. Chỗ ngờ-ngẩn là chính huyết của khoa học đó.

Cho nên, bất cứ chữ mới tạo ra hay chữ đã sẵn có, đã dùng chúng trong khoa học, đã cho chúng là hạng chuyên môn tự thì đều phải định cho chúng cái nghĩa rất tỉ mỉ như vậy cả.

Chữ chuyên môn phải là chữ mới tinh tạo. Nếu không phải định nghĩa, (désigner phải biết nghĩa *spécialiser le sens du mot*) cho nó, nghĩa là phải làm cho nó mới ra chẳng khác gì những chữ mới tinh tạo cả (xem bài *Adaptation*).

— Nếu thế thì chữ cũ rích cũng chẳng lợi hơn chữ mới tinh tạo chút nào !
— Thưa, chính thế, chỉ có phần kém thôi, kém ở chỗ tinh vi. Mỗi chữ cũ, chữ thường ngữ dùng vào trong khoa học làm chữ chuyên môn thì ít gì nó cũng có hai nghĩa : nghĩa cũ, nghĩa thường, từ mở của nó đã sẵn có, và nghĩa mới, nghĩa chuyên môn tỉ mỉ của nó trong khoa học.

Đã gọi là chữ chuyên môn thì bất cứ chữ cũ hay chữ mới, phải có học qua rồi, mới hiểu nghĩa, mới thông nghĩa.

Đứng về một phương diện mà nói, thì với khoa học chẳng qua là chưa nghĩa những chuyên môn tự mà hiểu khoa học là hiểu những chữ ấy, chỉ có thế thôi,

Phải có chữ chuyên môn rồi, mới nói đến phổ thông khoa học được.

Muốn có khoa học phổ thông phải có khoa học chánh thức đã. Nếu không, ngôn ngữ sẽ bất đồng, mỗi ý sẽ có hai ba tiếng là ít, mỗi người viết, đặt một chữ, không ai theo ai, không ai hiểu ai.

Có người hỏi : « Mình cần những chữ mới cho trình độ hiểu biết nào trong xã hội ta ? Hiện tại hay tương lai ? » Khoa học là khoa học. Khoa học không có cái tạm thời cho sức hiểu biết từng hạng người, hiện tại hay tương lai.

Bất cứ vào trình độ hiểu biết nào, ai muốn làm thân với khoa học thì học lấy tiếng của khoa học, thì hiểu lấy nghĩa của những chữ cần đến trong khoa học. Người Tàu chỉ vì muốn phiên-phồn tạm dùng những tiếng sẵn có để dịch chữ chuyên môn nên ngày nay họ phải phá-hoại cả cái công-trình của họ để xây đắp lại cái nền khoa học.

Viết khoa học phổ-thông là mang một vấn đề khoa học nào đó mà giảng bằng thường ngữ, nghĩa là mang những tiếng thường đã có rồi, ai cũng phải hiểu để giảng những chữ chuyên môn. Muốn vậy phải có chữ chuyên môn đã. Nói về *électrolyse* bằng thường-ngữ tức là lấy tiếng thường giảng nghĩa chữ chuyên-môn *électrolyse*. Nói về điện âm, điện dương, tức là giải nghĩa hai chữ chuyên-môn âm và dương bằng tiếng thường. Công việc của

khoa-học phổ thông chỉ có thế thôi, không có gì hơn nữa.

Vậy mà lại muốn hệ thống chữ nho, rành tiếng viết, mà chưa biết khoa-học bao giờ, đọc đến chữ chuyên-môn của khoa-học là hiểu ngay thì hiểu thế nào được ; chỉ có thể hiểu lầm ngay lập tức thì có.

Bởi vậy, người viết khoa-học chẳng thể là dùng chữ mới tinh-tạo làm chữ chuyên-môn ; người đọc khoa-học không hiểu thì tìm mà hiểu, tìm đến chỗ người viết định nghĩa, giải nghĩa cho chúng ; còn hơn là dùng chữ cũ để cho người đọc có thể đoán mà hiểu lầm. Một bài văn thơ hiểu lầm còn có nghĩa, một chữ chuyên-môn hiểu lầm thì cả bài khoa-học không còn gì nữa.

IV Những cái bất lợi khi mang một đoạn thường ngữ để vào chỗ cần phải có một chữ chuyên môn.

Vậy cái làm lớn của mấy nhà muốn phổ-thông khoa-học trong nước là mỗi khi gặp chữ chuyên môn của người lại mang tiếng thường ngữ của mình (tiếng ta hay chữ nho) ra để tạm dịch,

Làm như vậy rất thất sách.

Một là, những đoạn thường ngữ (*expression de langue commune*) mà các ông cho là chữ chuyên môn (*mots techniques*) nó không có cái độ tinh cỏi rõ, cái công dụng bên trong của những chữ chuyên môn một tí nào cả.

Xin mang mấy cái lý dụ ra để cho dễ hiểu. Giả thử người Pháp chưa có những chữ chuyên môn như chữ *triangle*, *corbiam*, *oxygène*, mà lại dịch những ý chuyên môn ấy bằng tiếng thường ngữ của người Pháp là *Figure-à-trois-angles* « couchegénératrice interne », « air-vital », thì dẫu dịch có đúng 100 phần trăm, những đoạn thường ngữ ấy, muốn viết

HÃY ĐỌC

Triết học KANT

của Nguyễn đình Thi

Một viên gạch quý báu trong công cuộc xây đắp văn hóa nước nhà. Một học thuyết mở đường cho tất cả nền triết học Tây phương hiện thời.

Nhà xuất bản TÂN VIỆT - 40 - Takou - Hanoi

ĐÃ PHÁT HÀNH

VÀNG SAO

của Chế lan Viên

In toàn trên giấy vergé bouffant. Bìa do họa sĩ Lưu văn Sơn trình bày.

Giá 2p60

Sắp có bán

Triết học NIETZSCHE

thế nào thì viết, cũng không phải là một chữ, một chữ chuyên môn được, ta nghe vẫn thấy rành rẽ từng chữ một ở trong đó. Cả câu, cả đoạn chỉ rút vào một chữ và một chữ thôi, thì mới gọi là chữ chuyên môn được. Nếu ta nghe hãy còn thấy hai chữ ở trong thì nó vẫn là dịch, vẫn là một đoạn văn viết bằng tiếng thường ngữ, không bao giờ thành một chữ, một chữ chuyên môn được. Câu văn không thể minh bạch được.

Không thể viết khoa học bằng cách đó được, tiếng nước nào cũng vậy.

Hai là, làm như vậy (dịch chữ chuyên môn) các ông chỉ làm giàu cho tiếng mẹ đẻ một « đồng » nào cả. Các ông chỉ dùng những chữ sẵn có, để nguyên như thế, xếp lên xếp xuống cho khéo để thành đoạn thành câu; rồi bớt một bớt hai cho gọn, thì cái số chữ trong tiếng ta có thêm lên đâu? Có người bèn không thêm chữ (mots) nhưng thêm lời (xpr ss ons) thì cũng là một cách làm giàu chứ sao! Thưa: lẽ có gì thì người ta sẽ xây nên lâu đài trên hình vụn vặt. Nếu công việc các ông chỉ có thế — xếp chữ như người thợ nề xếp gạch — thì các ông chẳng phải lo, nhiều người cũng làm được. (Ce n'est qu'un arrangement qui peut être génial des mots existants pour former des expressions nouvelles qui traduisent plus ou moins bien un terme technique ce ne sont pas des termes techniques et la langue elle-même ne s'enrichit d'aucun mot).

Ba là, làm như vậy (dịch chữ chuyên môn) khi hành văn tất có chữ phải lấy đi lấy lại, nếu không có chữ tương đương thay vào.

« Hình ba góc » là tên những cái hình nó có ba góc.

Những chỗ cần phải có chữ chuyên môn mà mình chưa có chữ chuyên môn để đặt vào, thì mình phải tạo ra những tiếng mới tinh mà dùng, để đánh những

chữ sẵn có (tiếng ta hay chữ nho) ba góc hai hình, như tam khoanh tứ đốm!

Bốn là, theo cách xếp chữ trong câu của ta, thì những chữ bổ nghĩa phải để sau chữ được bổ nghĩa. Nếu mỗi chữ chuyên môn của người, mình phải thay bằng một đoạn thường ngữ thì câu tự nhiên giống dài và tối nghĩa, nhiều khi không biết chữ nào bổ nghĩa cho chữ nào.

Tỷ dụ như « hai cái ba góc bằng nhau », hay « hai hình tam giác bằng nhau ». Không biết tiếng « bằng nhau » đi với chữ « góc » hay chữ « cái », chữ « giác » hay chữ « hình ».

Viết bằng cách nào cũng vậy, không rõ nghĩa được.

Hai cái-ba-góc bằng nhau
Hai « cái ba góc » bằng nhau
Hai « cái-ba-góc » bằng nhau
Hai caibagoc bằng nhau
Hai caibagóc bằng nhau.

Cái đoạn thường ngữ « cái ba góc » nghe nó vẫn rời rạc ra ba chữ, không thể thành một chữ được.

Những đoạn thường ngữ đem thế vào những chỗ cần phải có chữ chuyên môn, nó giống dài tối nghĩa là lẽ tự nhiên, không riêng gì cho tiếng Việt.

Tiếng nước nào có cách đặt chữ trong câu của tiếng nước ấy: người Annam để tiếng lĩnh-tự sau tiếng danh-tự, người Tàu để tiếng lĩnh-tự trước tiếng danh-tự. Nhưng xếp chữ trong đoạn ngắn thế nào thì phải xếp chữ trong đoạn dài in như thế, cho nên nếu đáng dùng một chữ chuyên môn mà mang một đoạn thường ngữ thế nào thì tự nhiên giống dài và tối nghĩa.

Người Tàu gọi « triangle » là « tam giác hình ». Nếu họ coi cái đoạn thường ngữ tam giác hình như một chữ chuyên môn, thì khi muốn nói « deux triangles » tất phải đặt như thế này: « nhị tam giác hình », nghe vẫn không rõ. Nó có cái nghĩa là « cái hình hai ba góc ». Nếu không coi cái đoạn thường ngữ kia như một chữ chuyên môn, nếu mỗi khi viết thành câu lại phá tan tành cái đoạn ấy ra thành ba chữ rồi xếp lại thì khi muốn nói « deux triangles » người Tàu chỉ còn cách viết thế này mới dùng mẹo tâu: « tam giác nhị hình », nghe người ta có thể hiểu là

Mới có một đoạn hai chữ của người Pháp, mà người Tàu đã lúng túng không thể nói cho mình mạch được, huống chi là một câu hai ba mệnh đề, trong đó đáng phải dùng dăm ba chữ chuyên môn, thì họ sẽ làm làm sao?

Các nhà tây học lại thăm nhờ thử dịch câu này ra chữ Hán xem sao: « deux triangles rectangles qui ont un angle aigu égal et un côté de l'angle droit égal sont égaux » thì biết người Tàu chưa có thể viết khoa-học chuyên môn được, vì người Tàu chưa hiểu thế nào là chữ chuyên môn cả.

Thử dịch nửa bằng chữ nho, nửa bằng tiếng ta mà xem, cũng vậy, không thể nào viết cho thành câu mình mạch rõ nghĩa được. « Triangle » dịch là « hình tam giác » thì « triangle rectangle » dịch là gì? Hình tam giác chữ nhật? Hình-tam-giác thẳng góc? Hay hình-tam-giác vuông góc?

Nghe làm sao được, nói làm sao được cho rõ nghĩa nếu không có một chữ chuyên môn thế vào đây?

Vì vậy trong văn khoa học mới cần phải có chữ chuyên môn, mới cần phải tạo ra những chữ gọi là chữ chuyên môn, nó tiện và mình bạch tí mĩ, nó rõ nghĩa của cả một đoạn, một câu, một trường thường ngữ.

Tôi nói trở đi, trở lại, xoay đủ các phương diện để xét những chữ chuyên môn như thế là cốt để cho các nhà khoa học cùng các nhà văn sĩ, thì sĩ nhận thấy một điều hiển nhiên tới can hệ là sự cần thiết của những chữ chuyên môn.

Về khoa học, bất cứ khoa nào, đối với những chữ chuyên môn của người mà mình chưa có chữ, thì mình phải đặt những chữ mới tinh tạo ra mà dùng, dần khi dùng lẻ tẻ (isolé) có dịch được đúng 100%. cũng không nên dịch. Khi dùng ở trong câu những đoạn dịch ấy nó sẽ tối nghĩa, mà chỉ ở trong câu thì mới cần đến chữ chuyên môn thôi.

Vậy phải đặt chữ, đặt nhiều lắm, đặt hàng vạn, hàng triệu chữ mới tinh tạo.

(Đặt ra làm sao, xin coi bài sau)

NGUYỄN TRỌNG-THUYẾT

Giá báo

Mỗi số	0 p. 20
1 năm	8 50
6 tháng	4 50
3 tháng	2 30

Công số giá gấp đôi

Mua báo xin giá tiền trước

THƠ ĐƯỜNG Ở NHẬT - BẢN

Số 5

của BẠCH-THẢO-SƯƠNG Tiên-nữ

Khải triển

*Hoàng sư bách vạn chinh kiêu lỗ
Dã chiến, công thành thì tác san,
Quý ngã hà nhân khan phụ lão
Khải ca kim nhật kỷ nhân hoàn !*

Nãi-mộc Hi-diều

Dịch nôm

Thắng trận về

*Trăm vạn binh vua đem đánh giặc
Bên thành thắng núi, trận xông pha.
Nghĩ mình then mặt nhia bỏ lão
Được mấy người vui khúc khải ca !*

Nghĩa chữ

Kiến lỗ : Quân giặc ngạo mạn hung hăng.
Dã chiến : Đánh nhau ở khoảng đồng rộng.
Thì : Thấy người.
Quý : Xấu hổ.

Lời giải và lời bình

Nãi-mộc Hi-diều (Nogi), danh tướng Nhật - bản, có tiếng nhất là năm 1905 trận đánh thắng Nga ở Lữ-thuận.

Là một nhà làm tướng có tài mà cũng là một nhà làm thơ có tài, Nãi-mộc làm nhiều thơ Hán, ý - tứ hàm súc, lời lẽ trang nhã y như một nho-tướng : một Gia-cát Lượng, một Tăng - Quốc - Phiên, một Nguyễn Công - Trứ. Thi tài của tác-giả, rồi có dịp, ta sẽ trở lại.

Nay tạm lược một ít võ-công của tác-giả có liên-lạc với bài thơ dịch trên này.

Năm 1904 — 1905, Nhật đánh với Nga, Nãi-mộc làm lục quân đại-tướng cầm mấy đạo binh vây đánh Lữ-thuận hết sức dữ-dội. Binh Nga chịu không nổi, phải xin hàng. Huân danh đó đã vang động khắp hoàn cầu. Có một nhà thế-tộc ở Âu-châu đã gửi biếu Nãi-mộc một thanh bảo - kiếm, đó là một thanh kiếm báu nguyên của Hoàng-đế Napoléon, để tỏ ý khâm phục và so sánh hùng tài thao-lược của Nãi-mộc cũng như ông tướng-quân quân - vương nước Pháp ngày xưa.

Nãi-mộc mỗi khi hiểu dụ binh-sĩ thường nói ; Con nhà binh thắng bại quan-hệ chỉ trong 15 phút đồng-hồ mà thôi. Hễ biết hăng hái liều chết đánh thực ráo riết trong một khắc thì chắc chắn là làm bại được bên địch, mà lẽ tất thắng tự nhiên là phải về

minh. Các bạn Tây học thường nghe nói « un quart d'heure de Nogi » chính là nét nghĩa câu nói đó của Nãi-mộc.

Một ông tướng được cả thế giới hoan-bồ như vậy, ai chẳng tưởng ngày ăn trận về, biết bao niềm sung sướng, biết bao nỗi vui mừng, lòng còn có điều gì gọi là đưu ân hận nữa. Thế mà lạ lùng thay ! Tướng quân vẫn có nỗi buồn vương vấn bên lòng như một áng mây sầu vương vẫn bên góc trời lộng lẫy, bóng trời vừa loè sáng sau những ngày mưa gió. Đám mây đó là đám mây chưa tan của trận giông mưa bão táp còn sót lại.

Người người đều ca tụng hoan hô thao lược của tướng quân, mà chính tướng quân thì lại tự thấy mình không có tài năng gì đáng được ca tụng hoan hô như vậy.

Cây giới khoe tài sao cho được, theo tướng quân nghĩ, trăm vạn binh hùng một tay mình mang đi có trách nhiệm trông nom gìn giữ mà đến khi về thì phần chết vẫn không ít hơn phần sống.

Mỗi khi nhìn những cha mẹ thân nhân của binh-sĩ đã chết trận mà tướng quân đau đớn xót thương, tự thấy mình bao xiết then thò còn mặt nào mà nhìn các phụ lão nữa. !

Trận dù có thắng, quanh mình vang dậy khúc khải ca, mà nhớ lại bên thành thấy người như núi thì lòng tướng quân vẫn áy náy ngậm ngùi : « Nhất tướng công thành vạn cốt khô », bây giờ thì niềm ước ầu của lòng Người, nỗi trù trướng của tâm hồn thi-sĩ đã chiếm lấn hết khí địch khái của vị tướng quân trong cơn ảo chiến.

Trong đó lại phát sinh một mối trắc ẩn truy-niệm những sĩ tốt đem mình ra bỏ chiến tràng, để một mối nhờ thương cho cha mẹ vợ con.

Có người nói rằng chuyển thắng trận Lữ - thuận này về, Nãi mộc tướng quân có ý muốn tự tử để tỏ lòng thương nhớ sĩ tốt của mình. Nhưng vì vua Minh-trị ngăn lại, lấy lẽ rằng trăm sự là vì vua cả.

Mà vua Minh trị với Nãi mộc thuở nhỏ là bạn học tâm đầu.

Ngày 14 tháng 9 năm 1912, hôm ấy là một hôm mà phàm người Nhật ai ai cũng không quên được.

Hôm ấy đại tướng Nãi-mộc cùng phu nhân đã mặc lễ phục chính lễ, đứng trước bức ngụy dung

xem tiếp trang 16

Ôc khoa-cử từ Đông sang Tây

Anatole France với mảnh BẢNG TÚ-TÀI

PHẠM MẠNH-PHAN

XEM văn-học sử Pháp cận-đại, chúng ta ai không biết đến nhà đại văn-hào Anatole France (1844-1924).

Cụ là một văn nhân lỗi lạc, được nổi tiếng trong rừng văn Pháp bằng cuốn *Crime de Sylvestre Bonnard* xuất bản năm 1881.

Rồi với các danh-tác của cụ, như những cuốn *Livre de mon ami* (1885) *la Rotisserie de la reine Pédauque* 1893 và vài cuốn khác, cụ đã nổi tiếng là một ngòi bút cụ-phách trên văn đàn Pháp có một lối viết nhẹ nhàng mà cao siêu, giản - dị và thâm thúy.

Cụ đã từng đi sâu vào con đường văn nghệ và đã được qua những phút vinh-quang đủ đến bù cho cụ về sự tụt tụt với ngòi bút và lý-tưởng.

Với một nghệ thuật thuần-túy và với một thiên tài đặc biệt, cụ đã được lĩnh phần thưởng Nobel về văn học ở Stockholm năm 1921 cùng với nhà thông thái Đức Nernst về phần thưởng khoa-học.

Cụ có chân trong Hàn-lâm viện Pháp và năm 1924 vừa đáng 80 tuổi thì cụ từ trần, được nước Pháp làm lễ quốc-táng một cách cực-kỳ long-trọng.

Tên tuổi cụ cùng với non sông Pháp trường-thọ và sự nghiệp văn chương bất hủ của cụ được người khắp các nước hoan-ngênh.

Phung-thờ văn-nghệ mà đi tới được một kết quả vẻ-vang rực rỡ như cụ, thật hiếm có. Vì biết bao người xuất đời hi-sinh cho văn-chương, cho lý-tưởng mà sống âm thầm trong bóng tối, rồi năm tàn thành bụi, phải xả thân nhắm mắt bên bờ sự nghiệp, chôn vùi thân thể nát với cỏ cây!

Nhưng cụ Anatole France lại là một người vô-duyên với khoa cử, nên mặc dầu cụ đã bước lên đài vinh-quang, lúc sinh thời cụ vẫn hậm - hực ôm mối hận lòng mà tiếc cho mảnh văn bằng cụ đã từng thiết tha triu mến.

Câu chuyện cụ đi thi rớt bằng tú tài phần thứ nhất là một giai thoại nên thơ đáng đem đề mua vui kể lại cùng bạn đọc,

Năm 1860, trong số các thí-sinh được vào văn-

đáp, giáo-sư Hase sau khi xem căn cước của một cậu bé 16 tuổi liền niệm nở hỏi:

— Lại gần đây con! người ta giới-thiệu với ta còn là một thí-sinh lỗi lạc. Thế thầy hỏi con: có phải sông Seine chảy ra hồ Manche không?

Thí-sinh rút rất khẽ đáp:

— Thưa giáo-sư vâng,

— Được! Thế sông Loire chảy ra đại - hải Atlantique chứ?

— Bẩm chính thế,

— Đúng lắm, Thế bây giờ con nói thầy rõ có phải sông Rhône chảy ra hồ Michigan không?

Chẳng biết thí-sinh ấy có biết đó là một câu hỏi để cho thí-sinh vào cạm không? Và có nhớ rằng sông Rhône ở phía nam nước Pháp chảy ra hồ Méditerranée chứ không phải ra hồ Michigan ở vùng Les Grands Lacs phía bắc nước Mỹ?

Vì dốt địa-dư háy vì dốt đất không dám trái lời giáo-sư đã hỏi mình một cách niệm nở, thí-sinh liền trả lời luôn:

— Bẩm thưa không sai.

Giáo-sư Hase, trước câu trả lời ngộ nghĩnh ấy, liền nổi cơn thịnh-nộ mà quát lớn:

— À sông Rhône chảy ra hồ Michigan. Trời đất hỏi! Anh học ở sách nào hầy nói tôi nghe. Anh là đồ con lừa, thôi, mời anh ra.

Nói đoạn, giáo sư liền đưa giả giấy căn - cước của thí-sinh và tặng cho thí sinh một con « zéro » lớn!

Lẽ cố nhiên kỳ thi đó thí-sinh ấy bị rớt một cách chua cay, và từ đó chàng đành đoạn tuyệt với khoa cử!

Thí sinh ấy là ai?

Chính là Anatole Thibaut, tức Anatole France cụ hàn bất tử sau này của nước Pháp.

Thế là Anatole France đã vô duyên với nghề thi cử và từ đó dần thân trong văn chương cụ vẫn không quên được cái văn bằng tú tài nó vẫn thường ám ảnh theo rồi cụ cho tới ngày đầu bạc răng long.

Trong tập chí *Nouvelles Littéraires* ở Pháp năm

1941 ông J. Brousson với giọng khôi hài có kể chuyện lại như sau đây ;

Một hôm, cụ hàn Anatole France có đến dự một bữa cơm chiều ở nhà bà De Caillavet.

Cụ có gặp trong đám quan khách ông Léon Bérard, hồi đó làm tổng trưởng bộ giáo dục.

Ông Léon Bérard gặp cụ, liền tỏ ý sẵn lòng giúp đỡ cụ nếu cụ cần đến.

Cụ liền đáp ;

— Được tôi biết ông có quyền hành như thế và tôi chỉ yêu cầu ông cho tôi đậu bằng tú-tài, vì ông cũng rõ trước tôi chỉ mỗi được vào vấn-đáp lần thứ nhất,

Ông Léon Bérard ngạc nhiên ;

— Tôi tưởng cụ yêu cầu gì chứ cái ấy thì quả không sao được. Nếu tôi để cụ đỗ thì chẳng hóa tôi sẽ phạm một việc làm gian lận ư ?

Cụ Anatole France liền nói lớn :

— Uả ; Thế sao lần nào ông ra tranh cử vào Hàn-lâm viện tôi cũng bỏ phiếu cho ông để ông trở nên « bất tử » mà nay ông lại không thể cho tôi đỗ tú-tài được ư ?

Cái giai-thoại trên — nếu quả đúng như ông J. J. Brousson — tỏ rằng cụ Anatole France mặc dầu có thiên tài nhưng cũng không tránh khỏi cái óc khoa-cử nó rất thông-thường trong xã-

hội Pháp hồi đó.

Nó chứng rằng người ta mặc dầu vào hạng xuất chúng cũng không tránh khỏi cái ảnh-hưởng của xã-hội mình một cách sâu-xa và khoa xã-hội-học (sociologie) của Auguste Comte đặt ra không phải là vô-ích vậy.

Cụ Pasteur, một ân-nhân của nhân-loại, cũng không tránh khỏi, như cụ Anatole France, có cái óc khoa-cử nó ám ảnh cụ : Năm cụ thi vào trường Cao-đẳng sư-phạm (école normale supérieure) lần đầu, cụ đậu thứ 14. Cụ rất bất mãn với cái kết quả của kỳ thi ấy, cụ liền thôi không vào học và bỏ phí mất một năm. Qua năm sau, cụ lại nộp đơn ứng-thí và kỳ này cụ đậu thứ 4 mới chịu vào học.

Các cụ nhà ta lại càng bị ma khoa-cử ám-ảnh một cách tai hại hơn nữa.

Ông Tú Xương 8 lần lều-đều trường ốc qua 24 năm trời mới nên danh « ông tú ». Cụ Nguyễn công-Trừ tài ba lỗi lạc đã từng nếm cái thi vị 'hi trượt bao phen và mãi năm 36 tuổi mới gặp được ông Lê văn-Duyệt biết tài giỏi lấy đậu tú-tài (1813) và qua khoa sau (1819) mới đậu giải-nguyên.

Một danh-sĩ đời Lê ngoài 60 tuổi còn lều chông đi thi và bị quan chấm trường lại là vị con cá mình vo tình danh h ông qua kỳ đệ tam ;

Một nhà nho vàng Cốt, 64 tuổi còn đi thi, đậu đến sáu lần tú-tài và không sao đậu được cử-nhân ; Trong khoa rớt cụ ứng thí, mấy chữ « quốc mẫu thất tuần thọ » ở đoạn văn Kim cụ viết nhầm ra « bát tuần thọ » rồi bị quan trường phê « khiếm cần », đánh hỏng.

Và ngày nay trong đám con Hồng cháu Lạc cái óc khoa-cử vẫn chưa hề gột sạch : có vị thiếu niên anh tuấn đã từng 18 lần đi thi bằng Thành-chung và mãi lần cuối mới đỗ ;

Đỗ để làm gì ? Để lấy mảnh bằng mang danh với đời, rồi để bằng đó một nhăm dưới đay hom.

Phải chăng về mặt chuộng khoa cử, Đông và Tây đã gặp nhau ?

Câu anh ngon của văn sĩ Anh, Ruyard Kipling bảo « Đông là Đông, Tây là Tây không bao có thể gặp nhau được » có lẽ là một câu cơ thể cãi trại lại.

PHẠM MẠNH-PHAN

Tuham khảo ;

Paris soir 1938 ;

Nouvelles littéraires 1941 ;

Le-Thương ; Nguyễn công-Trừ ;

Cronset ; Histoire illustrée de la littérature française.

Nhà xuất bản « NGUYỄN DU »

số: 11, Hà-nội

Đường 206bis



MỜI CÓ BÁN :

BÀ QUÂN MỸ

Lịch sử tiểu thuyết của CHU THIÊN

Cả một tấm gương tiết-liệt cho phái nữ-lưu.

Mới phát hành :

Giá : 1p00

TẬP - KIỀU

Tập văn rất tài tình của TÚ POANH

Có 8 phụ bản của họa sĩ Nguyễn Đức Nùng

Đã hết :

Giá 1p00

TRÊN ĐƯỜNG NGHỆ THUẬT...

của Vũ-Ngọc-Phan

(sẽ tái bản ngay mai)

Đón xem :

RĂNG ĐEN của cô Anh Thơ

THANH LỊCH của bà Văn-Đài

« THU » thơ của Đỗ Cẩm Vân

A, Bề Pé-lú ở giữa hai hồ, có hai sông chảy vào: sông Tả-diềng đã nói ở một kỳ trước và sông Cốc-tộc phát nguyên từ xã Xuân-lạc.

b) Bề Pé-lâm giao thông với sông Năng.

Một dãy núi đá bích-lập làm giới hạn cho hồ ba-bề về phía tây. Chung quanh hồ có núi bao-bọc, núi có danh tiếng nhất là núi Đán-đeong cạnh bề Pé-lú có hang thường luông, có nhiều tắc-kẻ, nhiều khi, nhiều quả dâu-da.

Giữa bề có nhiều núi, nhiều đảo đột khởi. Cảnh trí thực là u nhã, trông tựa vịnh Hạ-long. Có khác là mặt nước xanh xanh phẳng lặng, không một làn sóng gợn. Núi An-mạ đứng giữa ba hồ, « có cây chen đá, lá chen hoa ».

Trên đỉnh núi có chùa, có dân cư, có di tích đồn binh. Xưa núi này đã từng làm sào huyệt cho quân cường khấu.

Một ngọn núi tên là Khẩu-củm trong bề Pé-lêng xưa là nơi dựng vũ của tướng khách Lộc-Mạn-Tăng chống nhau với tướng tâu là Lão Linh đóng ở Cốc-tộc xã Đông-lạc gần Chợ Đền vào năm Thành-thái tam niên, 1891.

Ngồi trên thuyền ngắm cảnh, trông thực hữu-tình! Xa xa điểm vài chiếc thuyền độc mộc, lướt trên mặt nước, lượn quanh chân núi, càng làm cho bức tranh thiên-nhiên của thợ Tạo an-bài thêm phần linh-dộng. Đối cảnh có thể tưởng-tượng như đương ngồi trên mặt nước Ngũ-hồ bên Tàu! Mà tám cảnh Tiên-tương chắc cũng không hơn phần hảo-diệu. Lại thêm dãy núi Côn-lôn trùng-trùng điệp-diệp, một dãy núi bích-lập cao hơn mặt hồ hàng nghìn thước chạy từ Tuyên-quang sang địa-phận Thái-nguyên. Giữa núi có nhiều động thanh-u. Trong động, thạch-nhũ rủ xuống lóng lánh tựa ngọc-châu, cảnh-sắc như vẽ!

Thực là một nơi đại-thăng-cảnh không bút nào tả xiết được.

Chặng hay Trần-Đoàn xưa có

cưỡi lừa qua núi trúc, ngàn mai hồ Ba-bề, và Tư-mã Tương-Như có qua hồ ấy bao giờ hay không? Ai về nhân chàng LưuchàngNguyễn tìm Thiên-thai, Đào-nguyên đâu xa?...

Lại sức nhớ đến hai câu thơ của cụ Trạng Trình Nguyễn Bình-Khiêm:

« Trăng trong gió mát là tương-thức,

« Nước biếc non xanh ấy cố-tri ».

Tâm-thần chúng tôi bây giờ dờng theo mây gió mà nhẹ-nhàng, lâng-lâng, thư-xương...

Trải qua bao cơn dâu bể, hồ Ba-bề vẫn mặt nước xanh xanh phẳng-lặng từ nghìn xưa cho tới nghìn nay.

Tuy cũng có đôi phen mặt nước nhuộm màu hồng đỏ, tuy trong khu-vực ba hồ cũng có khi sóng gió, song chẳng bao lâu nước lại trở lại xanh trong, mặt hồ lại trở nên êm lặng, để phó vẻ đẹp với thời-gian...

Năm 1448, hồ Ba-bề đã từng làm sào-huyệt cho quân cường-khẩu. Đẳng giặc Ba-bề hợp-tác với giặc miền Bảo-lạc và An-phú những toan khuấy nước chọc trời, song đều bị vua Lê-Nhân-Tôn (1443-1459) hàng phục ngay.

Kịp đến khi nhà Mạc cướp ngôi nhà Lê, làm vua được 65 năm từ Mạc Đăng-Dung đến Mạc-mậu-Hợp 1527-1592, thì bị Trịnh-Tùng đánh thua, đem lại giảng-sơn đất nước về cho nhà Lê.

Trịnh-Tùng tuy đã giết được nhà Mạc, lấy lại được đất Đông-đô, nhưng nhà Minh vẫn có ý bênh nhà Mạc, không chịu nhận nhà Lê. Vì con cháu nhà Mạc hãy còn nhiều, nay xưng vương chỗ này, mai khởi loạn chỗ khác, nên Trịnh-Tùng phải một mặt dùng trí để giữ cho nhà Minh khỏi quấy nhiễu và một mặt dùng lực để đánh dẹp dư-đảng họ Mạc vẫn thường lấy

Du - kỹ

TỪ HANOI ĐẾN HỒ BA BỀ

Số 11

NHẬT-NHAM

hồ Ba bề làm nơi căn cứ.

Mạc Kính-Cung trước đã chạy sang Long-châu, sau lại về, cùng với dư-đảng đánh phá đất Cao-bằng, Lạng-sơn và Thái nguyên 1598. Trịnh-Tùng đuổi đánh. Mạc Kính-Cung bị thua trận hồ Ba bề, sang kêu với nhà Minh; nhà Minh bắt nhà Lê phải để đất Cao-bằng cho con cháu họ Mạc.

Về sau, cháu Mạc-Kính-Cung là Mạc-kính-Khoan lại đem quân về đóng ở Gia-lâm, đánh nhau với nhà Trịnh. Trịnh-Tráng đánh đuổi, Kính-Khoan lại về ẩn-nấp ở đất Cao-bằng.

Năm 1625, Trịnh-Tráng sai con là Trịnh-Kiến đem quân lên đánh Cao-bằng. Quân nhà Mạc bị phá tan tại miền Ba-bề và Mạc kính-Cung bị bắt giết. Còn Mạc Kính-Khoan chạy thoát sang Tàu dâng biểu xin hàng.

Năm 1862, hai đảng giặc Tàu do tướng Tạ-văn-Sơn và Lê-Khôi-Nguyên chỉ-huy chiếm tỉnh Thái-nguyên. Quan Tổng-thống quân-vụ Nguyễn Tri-Phương lấy lại được thành Thái-nguyên năm sau 1863, đuổi giặc khách mãi đến vùng Ba bề mới dẹp tan.

Năm 1878, quân Tàu do Lý Dương Tài làm tướng, đánh nhau với quan quân ta, chiếm tỉnh Lạng-sơn. Quan Đề-đốc Quảng-tây Phùng tử-Tài đem quân sang cùng với quân ta hội tiểu. Năm 1879, Lý-Dương-Tài bị bắt tại núi Nghiêm-hậu Thái-nguyên) giải về Tàu. Còn dư-đảng như Đàm-Chí-Thanh và Đại-Cự-Hoa đem quân chiếm vùng Ba-bề. Nhưng chẳng bao lâu cũng bị quan quân làm cho phải hàng phục.

Nước Pháp đặt chân đến xứ Bắc-kỳ, đem quân lên miền Thượng-du để trừ những đảng giặc Tàu quấy

nhiều dân-gian.

Vì miền Ba-bề là nơi hiểm-trở, nên đạo quân của Đại-tướng Servièr, sau khi dẹp yên miền Ba-bề, bèn lấy Ba-bề làm căn-cứ để tiến quân tuần-tiểu các nơi.

Trên là lược qua những thời-kỳ mặt nước ba hồ bị vết máu giặc làm cho vẫn đục. Vì tài-liệu chưa được đầy-đủ, nên sự ghi-chép còn mong ở độc-giả chú-tôn hồ khuyết cho, tôi xin cảm-tạ.

Mãi vui ngắm cảnh, đã thấy thuyền ra tới cửa bề Pé-lâm. Một giòng nước đục cuồn cuộn chảy xuôi, như một dải viền nâu của hồ Ba-bề, trong khi mặt nước hồ vẫn trong xanh không hề vẫn đục. Ấy là sông Năng là một chi-lưu của sông Gâm. Cách cửa bề 3 cây số có thác Hua-tang (Đầu đặng) Thuyền theo giòng sông xuôi xuống 2 cây số thì sang hữu-ngạn cắm sào. Đoàn du-lịch lên bộ, đi một cây số tới thác. Thác này thuộc xã Nam-mẫu châu Chợ-rã, và giáp địa-phận xã Đa-vy thuộc (đồng Côn-lôn, châu Chiêm-hóa (Tuyên-quang). Thác dài một cây số từ trên cao gieo xuống, tóe ra như hình tấm bạc, xếp thành từng bậc, trông rất hữu-tình! Thuyền-bề không thể qua lại nơi này được, vì tới gần, giòng nước chảy mạnh, nên phải đỗ thuyền từ xa, để tránh mọi sự nguy-hiểm.

Muốn nghìn đá dựng như thang, Nước reo! Này thác Hua-tang miền Hô!

Khiến khôn riêng một họa đồ, Hóa-cống đã khéo diềm-lở sơn-hà!...

Xem xong thác Đầu-đặng, chúng tôi lại đi bộ ngược lên, xuống thuyền, theo dọc sông Năng đi

thâm hang Phường thuộc địa-phận xã Khang-ninh và Cao-thượng (châu Chợ-rã).

Vì trời mới mưa, có nước nguồn chảy về, nên giòng sông vẫn đục,

chảy mạnh vô cùng. Thuyền chở ngược giòng, thực là vất vả. Ngồi trên thuyền trông xuống giòng sông, lại sức nhớ đến mấy câu của cổ-nhân truyền tụng:

Nước trên nguồn, nước trong như lọc,

Nước ra nguồn, nước đục ngầu ngầu.

Và:

Lờ lờ như nước thả ngiờng,

Đặng bằng như nước chảy vòng, chảy quanh.

Lúc đầu, nước xuôi trong suốt đáy, rồi từ trên nguồn chảy xuống, cuốn lẫn cát sỏi bùn đất đem theo vào trong ngọn trào lưu thành ra nước đục ngầu ngầu. Dần dần, ngành nọ, chi kia, lạch này, vũng khác, phân chia làm nhiều đường, làm ngả, menh mông man mác, không biết đến đâu là cùng, giàn giụa chứa chan, không biết bao giờ cùng tận! Gặp khi êm-ả chiều trời, thì mặt nước phẳng lặng như tờ; đến khi mưa sa gió táp, giòng nước sôi nổi, sạo sạo, như cau có, như hờn giận, như gầm thét, mất hết cả bản thể trong tình tự nhiên.

Ấy cái lòng đục của người ta cũng ví như giòng nước lúc đầu chỉ là những nguyên vọng đối với những sự nhu dụng, như đói muốn ăn, khát muốn uống, rét muốn ấm, nực muốn mát, cần cho đầy đủ những sự cần dùng về phần vật-chất. Trình độ của loài người càng ngày càng tiến thì nguyên vọng của loài người càng ngày càng thêm nhiều, càng bành trướng, lênh láng không bờ không bến, không biết đến đâu là cùng là kiệt.

Đủ biết người xưa ngẫm phóng đã từng mượn giòng nước mà tự bao nhiêu ý nghĩa sâu xa.

Hai bên bờ sông Năng đều là

núi đá bích lập, có hang sâu hay rừng đậm, cho nên lòng sông sâu chỉ tợa dòng bơi chèo mà thuyền đi rất chậm.

Cứ mỗi lần tới một khúc sông, muốn tránh luồng nước chảy mạnh, thuyền lại phải tạt sang ngang mới có thể qua nhiều nỗi nguy-hiểm. Cầu «nhập giang tùy khúc» lại xuất hiện, trong ký-ức tôi và được hai chú lái Thỏ thợ-hành một cách triệt-đề.

Thuyền ngược được nửa đường, mở xem đồng-hồ đã mười hai giờ trưa. Chúng tôi cho thuyền đỗ vào một khúc sông vòng thung tại địa-phận Bản-cầm, trên có cổ-thụ bóng mát, dưới có mặt nước êm-lĩnh, cảm sào để ăn sáng.

Mấy người Thỏ chặt tre vót đũa; rồi chúng tôi làm công việc « phân phát lương thực » cho mọi người. Tất cả có 12 người, chia làm ba cỗ để khắp trên mặt thuyền, cùng ăn vui vẻ. Bữa cơm hôm ấy rất ngon trong một bầu không-khí bình dân, êm đềm. «Đó là anh đầu bếp giỏi». Không bao lâu những năm cơm nếp, cơm tẻ to bằng quả bóng đều tiêu-thụ hết cả.

(còn nữa)

NHẬT-NHAM

Tissus locaux

ÉTABLISSEMENTS CAO-DOT

chuyên bán buôn và nhận đặt khoán các thứ hàng nội hóa như:

Douppion, Shan-tung, Faux-shantung, Lin, Faux tropical, Tussor, Tussor demi-soie, Toile de soie, de reyonie, Toile tailleur, bao tải đựng ngô gạo, v.v.v.v.

Nơi giao dịch:

N° 2, Rue Strassbourg, Haiphong

Muốn lấy mẫu, xin gửi 0p50 và 1 timbre để làm cước phí.

Kỷ niệm Nguyễn-Du

Cuộc đời bí-mật của nàng Vương Thúy-Kiều, sáu trăm năm về trước

L. T. S. — Tiếp sau bài « Cự Tiên-Điền với chúng ta » đã đăng trước, nay xin lục đăng bài diễn văn đọc tại nhà « Ciné-Morin Frères » ở Qui-nhơn hôm 19-9-42 của ông Hoàng-Diệp vào mục này để thập tập lấy những tài-liệu trong dịp kỷ niệm Nguyễn-Du. Bấy nay nhiều nhà học giả thường nhìn Thúy-Kiều theo bản truyện của Thanh-Tâm tài nhân, nay ông Hoàng-Diệp nhìn Kiều theo bản Ngu sơ tán chi và bản Lục đã tiên-lông. Vậy xin cứ dùng nguyên văn, để các bạn tham khảo.

HOÀNG-DIỆP

« Mai sau dầu có hao giờ,
« Đốt lò hương ấy, se tơ phím này ;
« Trông ra ngọn cỏ lá cây,
« Thấy hiu hiu gió thổi bay chi về »

Thưa các ngài,

NÀNG Vương-Thúy-Kiều là một nhân-vật có thực dưới triều Minh đời vua Gia-Ĩnh ở bên Tàu. Nàng đã sống một cuộc đời hoàn toàn ly kỳ bí-mật, cuộc đời của một nữ gián-diệp rất lành nghề.

Thời ấy ở đất Việt thuộc Trung-hoa, có một tráng-sĩ họ Từ tên Hải, cùng bạn là Trần-Đông, hai viên dũng-tướng đã từng làm thất điên bát đảo các đạo quân nhà Minh, và Triều-dinh vẫn kiêng-nghê, hằng lo sợ cho chiếc ngai vàng của vua Gia-Ĩnh. Cự Nguyễn-Du đã khéo vẽ lại chân-dung của viên tướng giặc ấy :

« Râu hùm, hàm én, mày ngài,
« Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao.
« Đường đường một đấng anh-hào,
« Côn-quyền hơn sức, lược-thao gồm tài ».

Trước thế-lực càng ngày càng mạnh của Từ-Hải, Triều-dinh mới cử Hồ Tôn-Hiến ra làm đồng-nhung. Xem sách Ngô-Việt Xuân-Thu, nghĩ đến kế-hoạch

của Phạm-Lãi khéo dụng Tây-Thí đánh đổ Ngô Phù-Sai, Hồ Tôn-Hiến mới định dùng mỹ-nhân-kế để phá tan giặc Từ. Lúc bấy giờ Vương Thúy-Kiều mới ra mặt và sau này nhờ có tài, có sắc và lắm mưu-mô, nàng đã đóng nên vai một nữ gián-diệp, một « nhân-vật quốc-tế », rất quan-trọng trong thời-kỷ chiến-tranh ấy.

Theo bản Ngu-Sơ Tán-Chi, Vương Thúy-Kiều nguyên quê quán ở Lâm-chi. Hồi nhỏ, người ta đem bán nàng cho một bọn hát và bọn ấy đã đặt tên nàng là Kiều-nhi. Tuổi tuy còn nhỏ, nàng có thiên-tư đặc-biệt, thông-minh lạ thường và mặt mũi rất khôi ngô tuấn-tú. Chỉ là một nữ ca-nhi, nhưng nàng vẫn có tư cách của một thiếu-nữ con nhà khuê-các. Về sau, bọn con hát đem nàng về ở đất Giang-nam và dạy cho nàng học nghề ca-hát và đánh đàn. Sở trường của nàng là hát lối Ngô-du và đánh đàn Tỳ-bà-hồ. Ngoài ra, nàng còn thổi sáo rất hay, ai nghe cũng phải cúi mặt chau mày. Trong xóm làng chơi, Kiều-nhi đã nổi danh xuất chúng. Nhưng nàng vốn người thanh-nhã, không quen thói « đưa người cửa trước, rước người cửa sau », nên nàng thường bị bà chủ nhà đánh đập chửi mắng. May có

Thống chế Pétain đã nói :

« Các người cần nhất chẳng nên ngã lòng. Vì dù bản chức được quyền như vậy, thì đã ngã lòng từ lâu rồi. Bản chức sẽ gánh việc lớn cho đến khi hoàn-thành và mong rằng ai ai cũng noi theo gương đó ».

một người trẻ tuổi thương xót cảnh nàng, cho riêng Kiều-nhi những món tiền để thoát ra vòng thành-lâu và đón đến Gia-hưng đổi tên là Vương-Thúy-Kiều. Hồi đó, có người ở huyện Háp (Tỉnh Giang-nam) tên là La Long-Văn, con nhà giàu, lại có lòng hào-hiệp hay giao-du, bạn-bè với Vương Thúy-Kiều. La Long-Văn lại có nuôi một con hát gọi là nàng Lục-Châu. Thời ấy ở xứ Việt, Từ-Hải một tay gian-hùng trộm cướp, ngang tàng vừa bị tầm-nã, nên lần tránh vào nhà Thúy-Kiều. La Long-Văn biết Từ là một tay lỗi-lạc, mới kết bạn, thường sánh vai uống rượu, lại đem nàng Lục-Châu cho làm con hầu. Trong lúc rượu say, Từ-Hải nói cùng Long-Văn rằng : « Miếng đất còn con này không phải là trường đặc-ý của bọn ta Người

trượng phu đầu cứ chịu ở dưới quyền người ta mãi thế ru ? Từ đây, tôi xin đi . . . và khi được phú quý, xin đừng quên nhau ».

Từ-Hải người khí-phách anh-hùng ấy là Minh-Sơn hòa-thượng ở chùa Hồ-bào hạt Hàng-châu. Nuôi sẵn cái mộng tuồng « chọc trời quấy nước ». Từ-Hải đã có ý muốn xưng vương một cõi, nhưng một thân Từ Hải không làm gì nên chuyện nếu không vây cánh, không người giúp sức. Vì thế, nên Từ mới kết thân với Trần-Đông, người đã cùng Từ thờ chung một ý-tưởng. Rồi đôi bạn giang-hồ xuất dương, sang đất Nụy quốc. Mến phục cái tài thao-lược, cái chí anh-hùng có thừa của Từ-Hải, một số đông dân bản xứ đã qui-tụ dưới ngọn cờ của chàng. Sau một thời-gian, Từ-Hải đã tổ chức xong một đạo binh gồm có thuyền bè rất nhiều. Chàng kéo qua bể Trung-hoa, vào chiếm đất Giang-nam. Cuộc thắng lợi đầu tiên của Từ là chiếm tỉnh lý Đồng-hương, vây bắt quan Tuần-phủ Nguyễn-Ngạc ; hồi ấy thuộc về đời vua Gia-Tĩnh thứ 35 triều Minh. Phủ - đường mất, quân Tàu tan vỡ, Từ - Hải đường đường làm bá chủ đất Giang-nam.

Một hôm, trong lúc khao thưởng ba quân, các viên tù-trưởng mới dẫn Vương Thúy-Kiều và Lục-Châu ra mắt Từ-Hải, vì hai nàng cùng bị bắt ở phủ Đồng-hương. Đứng trước cái nhan sắc diễm-lệ của Thúy-Kiều :

« Làn thu-thủy, nét xuân sơn,
« Hoa ghen thua thắm, liễu
hờn kém xanh »

và tài hoa lỗi lạc của nàng :

« Một hai nghiêng nước, nghiêng
thành,

« Sắc đành đòi một, tài đành
họa hai ;

« Thông-minh vốn sẵn tính trời,

« Pha nghề thi họa, đủ mùi ca
nôm »

thì Từ-Hải động lòng thương và cho mời vào hầu rượu. Nghe Kiều đánh đàn Tý bà-hồ, tấm lòng của khách nghĩa-sĩ cũng phải xiêu và từ đây Từ-Hải mới cho gọi là phu-nhân Thúy-Kiều được quý chuộng không ai bằng, nên trong những việc quân cơ bí-mật, nàng vẫn được phép dự nghe, dự bàn. Song Thúy-Kiều ngoài mặt tuy là người tâm phúc của Từ, mà trong thì nàng là cái di-họa sẽ gây nên sự thất bại cho Từ về sau. Mỗi khi gần Từ-Hải, bao nhiêu tài năng lỗi-lạc, nàng đều thi thố, mong mua lấy lòng tin của Từ về sau này, để làm xong cái sứ-mệnh mà La Long-Văn đã phú thác cho nàng.

Nghe đến đây, hẳn các ngài ngạc nhiên và tự bảo rằng đối với Từ-Hải, Thúy-Kiều vẫn có tấm tình duy nhất ; nào là :

« Rộng thương cỏ nội, hoa hèn,

« Chút thân bèo bọt, dám phiền
mai sau »

Và khi Từ-Hải ra đi đẹp giặc, Thúy-Kiều lại xin :

« Nàng rằng : phận gái chữ
tòng,

« Chàng đi thiếp cũng một lòng
xin đi ».

Mãi đến khi Từ-Hải chết trên ngựa, Kiều còn than vãn :

« Khóc rằng chi dưng có thừa,

« Bối nghe lời thiếp nên cơ hội
này,

« Mặt nào trông thấy nhau đây !

« Thà liều sống thác một ngày
với nhau ».

Bao nhiêu lời lẽ nói trên đều chứng tỏ tấm lòng duy nhất của Kiều đối với Từ-Hải, nhưng đó chỉ là nàng Kiều của cụ Nguyễn Du, nhân cách của nàng chép theo ý muốn của cụ vậy.

Với sự thật, như trong bản Hán văn của Tàu, Thúy-Kiều cũng như Tây-Thì, cũng như Diên-Thuyền, chỉ là một người giúp

việc hành binh của Triều-định. Các ngài nên nghĩ kỹ vì lẽ gì cụ Nguyễn-Du lại hạ câu thơ :

« Đã hay thành loán miếu
đường »

khi Hồ-Công đã giết được Từ-Hải ? Câu này không nói rõ cái kế mỹ nhân của Hồ-Công là gì ? Một công việc đã dự định trước và bây giờ mới có kết quả.

Còn việc nàng Kiều nhảy xuống sông Tiền-đường, các ngài sẽ bảo mối tình của nàng cùng Từ Hải nếu không có thủy có chung, sao lại xảy ra cái cảnh đau thương như thế được ?

Đến đây, tôi xin nhắc lại hai điều :

1 Điều thứ nhất thuộc về cá nhân. — Khi Thúy-Kiều bị Hồ-Công bắt, Thúy-Kiều chỉ một lòng xin về thăm cố hương lẽ tất nhiên nàng ngụ ý gặp lại người thương là La Long-Văn (theo truyện Tàu) tức là Kim-Trọng (theo truyện của cụ Nguyễn-Du). Nhưng lại bị Hồ-Công đem thân nàng cho một viên tù-trưởng, thế là nàng không được toại nguyện, nên đành phải thác ở sông Tiền-đường.

2 Điều thứ hai thuộc về chánh sách hành binh của các nhà quân sự. — Ai hay được Nguyễn-Trãi một đại công thần triều Lê bị chu di tam tộc ? Ai thấu rõ được tình cảnh Hàn-Tín một đại võ tướng có công gây dựng nên giang san nhà Hán ở Tàu lại bị vua Hán Cao-Tổ giết chết ? Có ai hiểu được Ngũ Tử-Tư trung-thần đời Ngô bị vua Ngô Phù-Sai sát hại ? Thúy-Kiều cũng sống vào cái cảnh ngộ đau đớn ấy, chỉ khác là nàng mượn giòng sông Tiền-đường mà giải oan để tránh khỏi những luồn guơm oan nghiệt của các nhà hành binh đó thôi.

còn nữa

HOÀNG-DIỆP

Về bài phê-bình «Thi văn tập» ở số 70 trước

Trong bài phê-bình ở T. T. số 70 có in lầm và sót mấy chỗ, nay xin sửa và bổ lại: trang 6, cột 1, giòng 21: «đã làm chứng cho», xin đọc là «đã làm chứng cho».

Trang 6, cột 7, giòng 8: «ca kim», xin đọc là «ca ngâm — chữ «ngâm» khẩu bằng chữ kim.» Và dưới câu chữ nhỏ đó có sót mấy lời chưa rằng: «Chắc cụ Phan mạnh-Danh theo bản *Cổ văn hợp tuyển*, mộc bản, quyển X, tờ 32a, nên viết là ca ngâm. Nhưng tôi thấy trong bản *Cổ văn quan chỉ*, thạch bản, quyển X, tờ 27a, in là ca xuy — chữ «xuy» khẩu bằng chữ khiếm. Vậy, thiết tưởng nên theo bộ thạch-bản này mà viết là ca xuy, có lẽ đúng hơn. Vì «ca ngâm» chỉ có ý là ca-hát ngâm-ngợ; chữ «ca xuy» thì, ngoài ý ca hát ra, còn có ý *thời* nữa: *thời* sáo, *thời* còi, hoặc *thời* ốc... Như thế có lẽ «ca xuy» ăn sát với ý-nghĩa mấy chữ «mục đồng tiêu tẩu» ở trên hơn».

Trang 7, cột 2, giòng 12: «tiêu-sải», xin đọc là «tiêu sải».

Trang 7, cột 3, giòng 33: «thợ thơ hán viết» xin đọc là «thợ thơ hán-viết».

Trang 8, cột 1, giòng 58: «chữ đao», xin đọc là «chữ đao».

Trang 8, cột 2, giòng 24, 25: «mộc bên chữ trệu», xin đọc là «mộc bên chữ triệu».

Còn «lời chú» số 2 là chưa vào sau chỗ nói về «Tâm-nguyên từ-diễn» ở trang 8, cột 2 giòng 26-27.

Sau
«Trúc
mai
sum
hợp»
sẽ
đăng
một
truyện
rất
hay
rất
thú

Khúc nhạc bên đường

Vài tiếng động vang vang trong hộp gỗ,
Rồi lời ca cảm dỗ khách qua đường.
Điều Nam ai đây những vẻ bi thương,
Nhịp cung Bắc chứa chan bao tình tứ,
Ru lòng kẻ tâm can đầy tư lự,
Gội nắng mưa chống cự với nghèo nàn;
Cầm tay xe dưới trời nắng chang chang,
Lắng khúc nhạc đề mơ màng giây phút.
Vai gánh nặng bỏ hời tợn như trút,
Dừng lại đây, hưởng một chút dư âm,
Hồn hiu hiu theo tiếng nhạc thăng trầm,
Quên một phút, trăm ngàn điều lo lắng.
Hỡi tiếng nhạc! say sưa và nồng mặn,
Véo von trong êm lặng của trưa hè...
Kẻ giàu sang chẳng muốn đề tai nghe,
Nhưng rung động bao tâm hồn chất phác.
Xin cứ đàn! cứ ca! và cứ hát,
Cho lòng ai chốc lát được vui khuây,
Cho hồn ai tươi tỉnh một vài giây,
Quên những nỗi lầm than bày trước mắt!

HẰNG-PHƯƠNG

Trăng Hồ Gươm

Mỗi lá trên cành một mảnh trăng.
Tháp Rùa huyền ảo hiện trong sương.
Mặt hồ nước đứng trôi mây bạc.
Đường phố đèn treo ủa sáng vàng.

CÁCH-CHI

Thơ Đường ở Nhật bản

tiếp theo trang 9

vua Minh-trị đã phủ vải tang, nét mặt thái nhiên điềm tĩnh lặng lẽ chờ đợi một phút thiêng liêng sắp tới. Một tiếng súng nổ rung động khắp hoàng thành. Hai vợ chồng tự mình cầm dao mổ bụng tự tử theo vua để tỏ lòng trung liệt. Hôm ấy là hôm cắt đám vua Mục-nhân Minh-trị thiên hoàng mà tiếng đại bác đó là tiếng đại-bác báo hiệu linh cữu tiên đế sắp dời ra khỏi kinh khuyết.

Thực không còn cái hành-vi nào để cho ta cảm-động và cảm-phục hơn nữa. Tôi chết theo vua, vợ

chết theo chồng. Lại đáng cảm phục hơn nữa là hành động đó giữa cảnh quang-vinh hiển-hách.

Kháng-khải tưng vương dị,

Thung dung tự nghĩa nan.

Khó là khó ở chỗ thung-dung tự nghĩa.

Bài thơ phúng-viếng Nãi-mộc tướng-quân của Sam-phổ Trọng-cương có câu:

Tám-sự minh minh hoàn bạch bạch

Thần-châu chính khí lại quân tôn.

thực là như hai vầng mặt trời mặt trăng nghìn muôn năm treo cao tấm gương chính-khi sán-lạn rực-rỡ cõi đất thần-châu linh-tú.

Còn nữa

BÁCH THẢO SƯƠNG, Tiên nữ

Bìa văn-miêu

Những ông nghề triều Lê

Số 41

Ông-Hòe NGUYỄN VĂN-TÔ

NGUỜI soạn bài văn bìa khoa ất-mùi 1475 tên là Lê - ngạn - Tuấn. Trên mặt bìa cũng khắc tên như thế. Nhưng các sách in và sách viết đều chép là Lê-tuấn-Ngạn. Ông là người làng Vĩnh-lộc, huyện Tế-giang, nay là Văn-giang, tỉnh Bắc-ninh, ngụ ở làng Ngọc-bộ. Đỗ hội-nguyên đồng-tiến-sĩ năm Hồng-đức thứ ba 1472. Làm quan đến Đông-các hiệu-thư. Hai lần phụng mệnh đi sứ. Đầu niên-hiệu Cảnh-thống (1498), thăng Lễ-bộ tả-thị-lang, dần dần thăng đến Hộ-bộ thượng-thư. Bộ *Toàn-Việt thi-lục* của ông Lê-quí-Đôn, sách viết của Trương Bắc-cổ, số A 1262, quyển 11, tờ 31 a, có sao mười bài thơ-cận-thề của ông Lê-ngạn-Tuấn, đề là: 1, Tướng sĩ nhớ nhà, — 2, Anh-tài-tử, — 3, Động Lục-vân, — 4, Bài yết Sơn-lăng, — 5, Sông Thiên-vực nhỏ neo sáng sớm, — 6, Nhớ huân-nghiệp đức Thánh-tổ, — 7, Ngự nhà Kiến-thụy, — 8, Đông quân châu Thủy-ái, — 9, Nhớ công-nghiệp hai vua trước: chín bài trên này đều phụng họa ngự chế, — 10, Tiễn quan hiệu-thư Đàm-văn-Lễ đi sứ Tàu (chép

theo *Đại Nam nhất thống chí*, sách viết của Bắc-cổ, số A. 69, quyển Bắc - ninh, tờ 32 b, và *Toàn-Việt thi-lục*).

Khoa ất-mùi 1475, đỗ đệ nhất giáp ba người, tức là tiến-sĩ cập-đệ:

1. — Vũ - tuấn - Chiên, người phường Nhật-chiến, — bây giờ là làng Nhật - tân, vì đời vua Thành-thái (1889 1907) quốc-húy chữ Chiên nên phải đổi, — huyện Quảng-đức, — năm Gia-long thứ tư, 1805, đổi là huyện Vĩnh-thuận, bây giờ là Hoàn-long, — phủ Phụng-thiên, bây giờ là Hoài-đức, — thành Thăng-long, bây giờ là Hà-nội. Làm nhà ở xã Cồ-liễn, huyện Nam chân, — *Đăng khoa lục* chép là Tây-chân. Đỗ nhất-giáp tiến-sĩ đệ-nhất danh, tức trạng-nguyên, khoa ất-mùi 1475 năm bảy giờ đã năm-mươi tuổi. Làm quan đến Lại-bộ tả-thị-lang (chép theo *Đại-Việt định-nguyên phát-lục*, sách viết của Bắc-cổ, số A 1205, tờ 14 a, và *Đăng khoa bị khảo*, sách viết của Bắc-cổ, số A 485, quyển Phụng-thiên, tờ 106 a-b).

2 — Ông-nghĩa-Đạt, người xã Phú-gia, huyện Từ-liêm, phủ

Quốc-oai, tỉnh Sơn-tây. Làm quan đến Đô - ngự - sử. Tháng mười năm 1476, phụng mệnh làm chánh sứ sang nhà Minh (chép theo *Đăng khoa bị khảo*, thu-tập thượng, tờ 3 a), Về việc ông Đạt đi sứ, bộ *Khâm-dịnh Việt-sử thông-giám cương-mục*, quyển 23, tờ 3 b-4 a, chép rằng: « Trước đây vua nhà Minh lập hoàng-tử Hựu-Đường làm hoàng-thái-tử, sai Lễ-bộ lang-trung là Trương - đình - Cương đem sào sang cáo cho vua ta biết và tặng lụa mùi, lại nói nên trả đất cho Chiêm - thành (Champa) Đến mùa đông tháng mười năm bình-thân 1476 hiện Hồng đức thứ bảy, vua Lê Thánh-tôn sai Bùi - Sơn, Vương - khắc - Thuật, Chữ-Phong sang Tàu mừng việc lập hoàng-thái-tử; Lê-Tiến, Ông, nghĩa-Đạt tạ về việc tặng lụa mùi; Nguyễn-Tế nói về việc cõ đất Chiêm-thành ».

3 — Cao - Quýnh, người xã Cao-xá, huyện Đông thành, phủ Diễn-châu, tỉnh Nghệ-an. Năm hai-mươi-bảy tuổi, thi hương đỗ nhất cử, nghĩa là đi thi một khoa đỗ cử-nhân ngay, thi hội khoa ất-mùi 1475 đỗ đầu, tức là hội-nguyên, thi đình đỗ nhất-giáp tiến-sĩ đệ-tam danh, tức là thám - hoa. Ông nguyên tên là Lư, có âm nữa là Lô; vua Lê Thánh-tôn đổi cho tên là Quýnh. Sách *Đăng khoa bị khảo*, quyển thu - tập trung, tờ 32 b, chép rằng: « Tục truyền ông giỏi về nghề thuật-số — có lẽ chữ *thuật* chỗ này là thuật biến-hóa, chứ không phải là thuật tính độ số, vì câu dưới chép rằng ngày hôm vinh-quí ông đi đường bẽ, thế mà chỉ một đêm về đến nhà ». Làm quan đến Đông-các đại-học-sĩ.

Còn nữa

Ông-Hòe NGUYỄN-VĂN-TÔ

Cùng các bạn gửi bài

Các bạn có lòng yêu gửi bài đến Tri-Tân, xin làm ơn nhớ viết cho tinh tường, đề chứa rộng ngoài biên và chỉ viết một mặt giấy.

Sau khi đã gửi bài nào đến bản-chí rồi, xin đừng gửi bài ấy cho báo khác nữa.

Vì bài nhiều mà khuôn khổ tờ báo có hạn, nên bản - chí cần phải lựa chọn kỹ càng và lúc nào tiện dịp mới đăng dẫn được.

Bài nào không đăng, xin miễn trả lại bản cáo. — T.T. —

Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ

Số 46 Ưng-Hồe NGUYỄN-VĂN-TỔ

CXXXV

Kim Vân Kiều (bài nối)

Dưới cầu nước chảy trong veo.

Cụ Kiều-oánh-Mậu nói : « Có quyền viết là *dưới dòng* ». Quyền Kim-vân-kiều truyện chủ, sách viết của Trương Bắc-cổ, số AB 233 tờ 19 b, chép là *dưới khe*

Bên cầu tơ liễu, bóng chiều la-tha.

Bản chữ nôm của Quan-văn-đường và bản quốc-ngữ của ông Nguyễn-văn-Vĩnh, in là *thurót - tha*. *La-tha* là chữ trong *Đoạn trường tân-thanh* của cụ Kiều-oánh-Mậu, tờ 5a, nghĩa là bóng mặt trời khi gần tối. *Thurót-tha* là giáng người đi, bộ dài lướt-thurót.

Hải-đường đã ngọn đông lân.

Ông Nguyễn-văn-Vĩnh chép là *lã ngọn* ; bản nôm của cụ Kiều-oánh-Mậu và hiệu Quan - văn - đường viết là « *lã ngọn* ».

Nên câu tuyết-diệu ngụ trong tình-tình.

Cụ Kiều-oánh-Mậu chưa : chữ *tuyết-diệu* có bản viết là *tuyết cú* (*Đoạn-trường tân-thanh*, tờ 5b).

Sương in mặt, tuyết pha thân.

Các bản nôm đều viết là *thán*, nghĩa là mặt và thân trắng như sương tuyết. Bản quốc - ngữ của ông Vĩnh in là *chán*, hình như câu-nệ quá.

Sen vàng lững-thững như gần như xa.

Cụ Kiều oánh-Mậu chưa rằng : « Đông-hôn-hầu nước Tề lấy vàng lát đất, cho Phan qui-phi đi lên trên, rồi nói rằng : « Mỗi bước nầy hoa sen » Ông Nguyễn-văn-Vĩnh chưa là : « Vua Hậu - Chủ nhà Trần yêu Phan Quí-Phi lắm, làm hoa sen bằng vàng mà lát xuống đất cho mà đi, rồi ngồi nhìn cười mà nói rằng : « Quí-Phi đi mỗi bước chân nở ra một cái hoa sen ».

Rước mừng đón hỏi dò la

Ông Vĩnh chép là *chào mừng*.

Mà sao trong sổ đoạn trường có tên ?

Phường-bản chép là « *Mà xem trong sổ đoạn-trường có tên* » ; duy có kinh - bản chép là « *Mà sao* », nghe phải hơn.

Gió đầu khua bức màn manh manh.

Chép theo bản chữ nôm của cụ Kiều-oánh-Mậu. — Bản nôm của Quan-văn-đường và bản Kim Vân Kiều truyện chủ chép là « *Gió đầu chạnh bức màn-manh-manh* ». Bản quốc-ngữ của ông Vĩnh chép là « *Gió đầu sịch bức màn-manh-manh* ».

Nỗi riêng lớp - lớp sóng giời

Quan-văn-đường in là « *sóng trời* », quyền chủ-thích viết là « *sóng vùi* ».

Chợp đi, thoắt thấy ừng liền chiêm bao.

Đoạn-trường là số thế nào ?

Ông Vĩnh chép là :

Nhấp đi, phụt thấy ừng liền chiêm bao.

Đoạn trường là số thế nào ?

Nguyên có chữ *Đoạn-trường tập*, là quyền số *Đoạn-trường*, chứ không phải số mệnh về *Đoạn-trường* : nên đọc là số thì phải hơn.

Thần con thối có ra gì ?

Phường-bản chép là « *Phận con . . .* » Chữ *thán* ở kinh-bản có lẽ hơn.

Bóng hồng lẻo đẻo đi về chiêm bao.

Các bản viết là « *Bụi hồng . . .* »

Chưa xong đều nghĩ, đã dáo mạch tương.

Cụ Kiều-Oánh-Mậu giảng chữ « *Tương* là nước mắt, vì *Tương* phu-nhân gạt nước mắt vẩy vào cây trúc, làm cho cây trúc thành lổm đổm hết cả » ; còn chữ « *mành Tương* », trong câu « *mành Tương phất-phất gió đàn* », cụ chưa rằng : « *Thơ Kim-Lãng có câu : « Cựu thời tiểu viện Tương-liên hạ, do bả anh ca hoán khách thanh », nghĩa là ngày xưa ngồi dưới *mành Tương* trong tiểu viện, còn nhớ tiếng chim anh-vũ gọi khách ».* Ông Nguyễn văn-Vĩnh chưa « *Mành Tương* là cái *mành* trông ra sông *Tương* » thì nghĩa hơi nát.

Cho hay là giống hữu tình.

Các bản viết là « *thời hữu tình* ».

Ba thu dồn lại một ngày dài ghê !

Ông Vĩnh in là « *Ba thu dọn lại . . .* »

Mặt tơ tưởng mặt, lòng ngao ngán lòng.

Các bản chép là « *mơ tưởng* ».

Cớ chi đem thói khuynh thành trêu người.

Các bản chép là « *lâm chi . . .* »

Về câu : « *xâm-xâm đê nẻo Lam-kiều lẩn sang* », quyền Kim Vân Kiều truyện chủ có dẫn tích ; nhưng dẫn sơ lược ; tưởng nên theo bộ *Liệt-liên truyện*, quyền 3 tờ 8 b—11 b, dịch ra quốc-văn để đọc giả xem một lối truyện thần tiên bên Tàu. Truyện như sau đây :

« Bùi-Hàng là một người học-trò về niên - hiệu Trường-khánh đời Đường, nhân thi hồng, đi đến chơi Ngạc-chủ, thăm bạn cố-cựu là Thôi tướng-quốc. Tướng-quốc tặng 20 vạn tiền, bèn đem cả nhà về kinh. Nhân thuê thuyền to chở đến Tương-hán, nghe trong thuyền có Phàn phu-nhân là người-quốc-sắc, Bùi Hàng không làm sao thấy được mặt, bèn nhờ đưa thị-tỳ tên là Niếu-Yên đưa một bài thơ rằng : « Hướng vì Hồ, Việt do hoài tướng, hưởng ngộ thiên-tiên cách cầm binh, thắng nhược Ngọc-kinh triều hội khứ, nguyện tùy loan hạc nhập thanh minh », nghĩa là xưa còn Hồ, Việt còn mong tướng, nay gặp thiên-tiên cách cầm-binh, nếu đến ngọc-kinh cùng hội-hợp, xin theo loan hạc tới thanh-minh. Cách vài ngày, phu-nhân cũng sai thị-tỳ là Niếu-Yên đáp lại một bài thơ rằng : « Nhất âm quỳnh-lương bách cảm sinh, Huyền-sương đảo tận kiến Vân-Anh, Lam-kiều tiện thị thần tiên quất, hà tất khi-khu thượng Ngọc-kinh », nghĩa là một chén quỳnh-lương, mấy cảm tình ! Huyền-sương (thuốc tiên) đã hết, thấy (được kết duyên) Vân-Anh, cầu Lam-kiều chính nơi tiên ở, Hà tất khi-khu tới Ngọc-kinh ? Bùi Hàng xem thơ, chỉ thấy xấu hổ đỏ mặt, không hiểu ý nghĩa trong thơ là thế nào. Đến Tương-hán, phu-nhân sai thị-tỳ đem hành-lý lên bờ không từ biệt mà đi. Bùi-Hàng đi tìm khắp mọi nơi, không thấy tung-tích gì cả. Sau Hàng đi qua trạm Lam-kiều, nhân khát nước, xuống đường tìm nơi uống, thấy một cái nhà glanh ba bốn gian, có mục già dẹt gai, Hàng vào chào mục già, xin nước. Mục già gọi to lên rằng : « Vân-Anh, bưng ra một âu nước để lang quân uống ». Hàng sực nhớ đến câu thơ của Phàn phu-nhân có chữ Vân-Anh, trong bụng lấy làm ngờ lạ, chợt thấy dưới cái khăn mỏng trùm mặt, hai tay nhún ngọc, bưng ra một âu nước, Hàng đỡ lấy uống, không khác gì uống thứ rượu tiên. (Con gái bên Tàu ngày xưa, chưa lấy chồng, khi ra khỏi buồng, thường có khăn mỏng che mặt). Hàng nhân khi đưa giả âu, sẽ mở cái khăn mỏng ở mặt người con gái, thấy sắc đẹp lộng lẫy, đem lòng say mê, nhân nói với mục già rằng : « Vì ngựa của tôi yếu sức, xin nghỉ tạm đây ». Mục già nói : « Tùy lang quân tự-tiện ». Một hồi lâu, Hàng bảo mục già rằng : « Tôi thấy nương-tử sắc đẹp kinh nhân, phong tư vượt chùng, vì thế tôi dùng dằng mà không đi được. Tôi xin nộp lễ cưới làm vợ có được không ? » Mục già nói : « Mục già này chỉ có đứa cháu ấy. Hôm nọ có tiên cho một gói thuốc, nhưng phải có chầy cối

ngọc đã 100 ngày mới uống được ; nếu nhà người muốn lấy cháu, phải tìm chầy cối bằng ngọc đã đã thuốc, ngoài ra vàng lụa ta không dùng đến. » Hàng lấy tạ nói rằng : « xin hẹn 100 ngày thế nào cũng có chầy cối ngọc đem đến, xin đừng gả cho người khác. » Mục già nói : « Xin y ước. » Hàng đến kinh tìm khắp chầy cối ngọc, chợt thấy một cửa hàng, người bán ngọc nói : « Có chầy cối ngọc không đủ 200 quan không được ». Hàng bèn dốc túi và bán cả ngựa mới đủ giá ấy. Chạy vội đến Lam-kiều, mục già trông thấy cả cười nói rằng : « Thế gian có người tin-sĩ như thế ư ? » Bèn cho làm-lễ cưới. Người con gái cũng tìm tìm cười rằng : « Tuy thế còn phải giả thuốc 100 ngày mới bàn đến việc cưới. » Mục già lấy thuốc ở trong gói đưa cho Hàng. Hàng bèn đã, đến tối nghỉ, mà vẫn nghe thấy tiếng đã thuốc. Hàng dòm thì thấy ngọc thổ cầm chầy mà giả hột. Đã 100 ngày, mục già cầm thuốc mà nuốt, nói rằng : « Ta vào động để bảo họ hàng sắm sửa đồ cưới. » Rồi đem người con gái vào núi, bảo Hàng rằng : « Nhà người chờ đây một lúc. » Được một lúc có xe ngựa và người hầu đến đón Bùi-Hàng. Hàng thấy một tòa nhà lớn cao sát từng mây, cánh cửa đỏ ánh bóng mặt trời, tiên-dồng thị nữ dẫn Hàng vào rạp làm lễ ; lễ xong, Hàng lấy mục già cảm tạ không ngừng. Kịp đến khi ra mặt những nhân thích, đều là người thần tiên, trong có một nữ tiên đầu đeo trái đào, mặc áo đỏ, hỏi ra là chị vợ. Hàng vào chào xong, nữ tiên nói : « Bùi-lang còn nhớ người cùng đi dò từ Ngạc-chủ đến Tương-hán không ? » Hàng xấu hổ đỏ mặt, chỉ biết cảm tạ mà thôi. Các người tả hữu nói rằng : « Ấy là chị nương tử, tên là Vân-Kiều, vợ Lưu-Cương Tiên đó, đã liệt vào bậc cao-nhân, làm nữ sử của Ngọc - hoàng. » Mục già bèn đem vợ chồng Bùi - Hàng vào trong động Ngọc-phong, cho ở nhà ngọc lâu quỳnh, cho ăn rường tuyết quỳnh-anh, thần thề mỗi ngày mỗi nhẹ, mao phát xanh biếc, tự nhiên thần hóa, làm bậc thượng tiên,

Đến niên - hiệu Thái - hòa, bạn Bùi - Hàng là Lưu - Hiệu gặp ở phía Tây Lam - kiều, Bùi-Hàng kể rõ về việc đắc đạo, và tặng 10 cân mỹ-ngọc ở Lam-diền, một viên Tử-phủ vân-đơn. Hiệu nói rằng : « Anh đã đắc đạo, xin dạy cho một lời » Hàng nói : « Ông Lão tử có câu : Trong lòng hư không, trong bụng thực-thà. » Hiệu còn chưa hiểu Hàng lại nói rằng : « Nếu trong lòng còn nhiều vọng tưởng, thì trong bụng không được tinh dịch Hư thực rồi sẽ biết » Nói xong rồi tự nhiên biến đi »

Còn nữa Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỔ

Nam đàn bát châu tục thảo

Lối thơ tân thành lập

Số 7

Tác-giả : TÙNG-VÂN đạo-nhân

XII

Chơi thuyền nơi Hậu-đình quan Lý Minh-Phủ

Hoàng Phủ-Nhiệm

Nguyễn Đường - Âm

Giang nam yên cảnh phục như hà ;
Vân đạo Tân-đình cánh khả qua.
Xứ xứ nghệ lan xuân phổ lục ;
Thế thế tạ thảo vễn sơn đa.
Hồ trảng tu tựa Đào Bành-trạch ;
Phong-tục do truyền Tấn Vĩnh-hòa.
Cánh sử khinh nhiều từ chuyển khứ,
Vị phong lạc nhất, thủy tăng ba.

Dịch lối Nam-đàn

Cảnh Giang-nam những thế nào ?
xin uớt hỏi ;
Chốn Tân đình, nghe nói cảnh nào
hơn ?
Chiều xuân phổ, thả vễn-sơn ;
Lan đầy khóm lục, cỏ liền dăm
thơm.
Làng tu-khế Vĩnh hòa, xem tục
Tấn ;
Chén qui-lai Bành-trạch, thưởng
men Đào,
Thuyền lan dứng đỉnh một chèo,
Hay hảy gió chiều, làn biếc sóng
đưa.

Chú thích

Giang-nam. — Triều sông Dương-tử (tức Trảng-giang) trở về phía nam là đất Giang-nam có nhiều thắng cảnh.

Tân-đình. — Đình kề sông, là một nơi du thưởng trứ danh về đời Tấn. Hậu-đình ngày nay tức nơi Tân-đình ngày xưa.

Làng tu-khế. — Nhà Tấn, niên-hiệu Vĩnh-hòa thứ chín, tháng mộ-xuân, người danh thần là Vương Hi-Chi hội tập quần hiền, bày cuộc tu-khế ở Lan-đình, ngoạn thưởng cái cảnh núi non cao tuấn, rừng

trúc thanh u, giòng nước trong róc rách bên tả hữu. Trong cuộc người nào người ấy cạn một chén rượu, thành một vần thơ, thi nhau câu tuyệt diệu, tỏ giải u tình Hi-Chi tay thảo ra bài tựa đề ghi chép việc, gọi là « Lan-đình tự », bút pháp tinh mỹ trác tuyệt, trứ danh là thiếp Lan-đình. Phong tục cao nhã ấy còn truyền mãi về sau. (Hi-Chi tự Giật-Thiếu, chức Hữu-quân tướng-quân). Truyện Kiều : « Khen rằng bát pháp đã tinh ; so vào với thiếp Lan-đình nào thua ». Tu-khế nguyên là một phong-tục đời Tấn, hàng năm cứ ngày thượng-ty, tháng mộ-xuân, rủ nhau tới giòng nước trong, tắm rửa sạch sẽ, đề trừ bỏ sự chẳng lành « Khế » nghĩa là « khiết ».

Chén qui-lai. — Đào-Tiềm nhà Tấn, tự Nguyên-Lượng, hiệu Uyên-Minh ; vì bên nhà trồng năm cây liễu, lại hiệu là Ngũ-Liễu tiên-sinh ; làm chức lệnh huyện Bành-trạch. Hồi ấy, triều Tấn, Tống có cuộc thay đổi, Đào coi trọng đạo-đức liêm-sĩ, không chịu y-a với triều Tống, bỏ quan chức về nhà, làm bài Qui khứ lai từ đề tỏ chí, hàng ngày rót rượu làm thơ. Thơ Đào trứ danh là bình đạm, tự nhiên. Nhà nghèo không có tiền mua rượu, lân lý bè-bạn thường đem lại cho. Nhà Đào thường có khách bạch-y tống-tửu. Đào lại siêng năng việc điền viên sinh-hoạ. Thơ Đào có câu « Y thực đương tu kỷ ; lực canh bát ngó khi », nghĩa là cơm áo nên ghi chép ; cây khỏe chức phận ta. Tính Đào ái cúc, vườn mở ra ba lối để trồng thông, trồng cúc. Qui khứ lai từ : « Tam kính tựa hoang, tùng cúc do tồn ». Đào là hạng người thanh phong, cao tiết, vì với cổ hiền nhân. Phẩm cách ông Đào, thơ Đường rất hay nói đến, cho nên kẻ ở đây.

Thơ này nói phong tục đời Tấn đề nghị khen lẽ thói Giang-nam, nói vận sự ông Đào đề ám chỉ Lý Minh-Phủ.

Phụ lời kính bạch

Lối thơ Nam-đàn-bát-châu tuy rằng pháp đồ thi theo Đường-luật, cách điệu thi theo Nam-âm, không phải là tân chế tạo đầy thật ; song lẽ vốn có tính cách đặc-biệt, mà thuộc về lối tân thành lập. (Đặc biệt nghĩa là khác với lối thông thường). Như là trong tám câu thi xếp đặt đều có bộ phận, xưng hiệu đều có danh từ, có chỉ-h cách, có hoán cách, có lệ rồi chữ, lại có lệ hạn chữ, có chỗ nghiêm ngặt dùng vần, lại có chỗ thông dong miễn vần v.v. . Lại như là câu nhất nhị thi theo bút lực Hát nói cổ mà phải viết phép nhất khí ; câu tam tứ thi theo văn pháp Kim-vân-Kiều mà phải dùng cách cú trung đối (đối trong câu) ; câu ngũ lục thi theo lối thơ cổ, phú cổ mà phải dùng cách hai câu song hàng đối nhau cho chỉnh cho chội ; câu thất bát thi dùng cách viết lưu thủy mà gián hoặc lại thấu thái Nhạc - phủ với phong dao mà có cách đối chữ đối điệu v. v... Những tính cách đặc biệt ấy thì trong lời « Dự thảo bốn điều thể thức chính » đã kể tính tường, hiện đã đăng ở Đông-pháp báo, chứ ngày nay không thể nói hết được. Mới đây có nhiều người chưa hiểu tính cách ấy mà chất vấn luôn luôn. Lại có nhiều người tưởng lầm rằng lối thơ Nam đàn bát châu chỉ là trích ra thông thể Lục bát gián thất mà thuộc về lối thông-thường đầy thôi, không có tính-cách gì khác. Vậy nên tiêu biểu ba chữ « tân thành lập ra đây », nghĩa là lối thơ đặc biệt buổi đầu thành lập, khiến cho nhất lãm tinh-nhiên, đề tiện khi thi gĩa khảo sát. Ngai nào chưa xem được những thể thức trong tập dự-thảo, thì cứ đem những bài thơ chế tác trong tập thi thảo mà nhận xét dần dần cũng hiểu rõ được tính cách.

Sẽ tiếp

Hà-đông Nguyễn đôn Phục

Bản sách-dẫn về « Đại-Nam liệt-truyện »

Số 9

Thọ-xuân Lê văn-Phúc

TÊN, HỌ	TỰ, HIỆU	QUÊ - QUAN	TẬP (1)	QUYỀN	TRANG	NÓC HỜ
ĐỈNH 挺	Hồ-trọng	tự Tử-lấn	Nghệ-an, Quỳnh lưu	N 36	27a	cũng đọc « Đỉnh »
ĐỈNH 挺	Ngô-công		Hà-tiên, Long xuyên	S 14	9b	nay là Cà Mau
ĐỈNH 挺	Vô	tự Trục-phủ	Bắc-ninh, Lương tài	N 25	5a	
ĐOÀI 兌	Tô-văn		Gia-định, Bình dương	S 14	2b	cũng đọc « Đoái »
ĐÔ 都	Nguyễn	nhút danh Diên	Thừa-thiên, Quảng điền	S 9	4b	
ĐỘ 度	Đặng-dại		Quảng-bình, Phong đăng	T 5	34a	
ĐỘ 度	» Lê-huy		Thanh-hóa, Ngọc sơn	N 41	8a	
ĐỘ 度	» Ngô-văn		Sơn-tây, Bạch hạc	N 38	20a	
ĐỘ 度	» Nguyễn-hữu	tự Hi-Bùi	Thanh-hóa, Tống sơn	N 39	14a	
ĐỘ 度	» Tạ-hữu		Nghệ-an, Đông thành	S 29	4b	
ĐỐC 篤	Phan-thị		Khánh-hòa, Tân định	S 29	14b	
ĐÔN 敦	Lê-bá		Nghệ-an, Thanh chương	N 19	7a	
ĐÔN 敦	Trần		Hanoi, Từ liêm	N 41	22b	
ĐÔNG 東	Nguyễn-văn		Gia-định, Bình dương	S 19	7a	nay là vùng Sài Gòn
ĐỒNG 仝	Huỳnh-trung		Thanh-nhơn	S 28	2a	Bộ tướng của Hà-hỉ-Văn
ĐỒNG 侗	Ngô-quí	tự Ẩn-chuyên, hiệu	Thừa-thiên, Hương thủy	N 39	20a	
ĐỒNG 同	Phan-bá	Nại-am, biệt hiệu	Nghệ-an, Đông thành	S 18	8a	
ĐỒNG 董	Mai-văn	Huỳnh-dồng-tử	Thanh-hóa, Tống sơn	N 40	11a	
ĐỨC 德	Hồ-mậu	tự Lịnh-phủ	Nghệ-an, Quỳnh lưu	N 31	10a	
ĐỨC 德	» Lê-dinh		Gia-định, Bình dương	N 33	15a	nay là vùng Sài Gòn
ĐỨC 德	» Lê-mẫn		Hà-tĩnh, Thạch hà	N 43	4b	
ĐỨC 德	» Lê-văn		Vĩnh-long, Bảo an	N 19	9a	nay thuộc cũ lao Bảo
ĐỨC 德	» Ngô-bình	sơ danh Lịnh, tự	Bắc-ninh, Đông ngạn	N 26	20b	(Bốn tre
ĐỨC 德	» Ngô-công	Chuyết-giả	Hà-tiên, Long xuyên	S 14	9b	nay là Cà Mau
ĐỨC 德	» Nguyễn-dinh		Gia-định,	S 12	4a	
ĐỨC 德	» Nguyễn-huy	tự Thành-phủ	Bắc-thành, Thọ xương	N 42	13b	
ĐỨC 德	» Nguyễn-huỳnh		Định-tường, Kiến hưng	S 7	10b	nay là giống Trấn-định
ĐỨC 德	» Phan-văn		Bình-định, Bồng sơn	S 25	8a	và Cái én
ĐỨC 德	» Trần-doãn		Hà-tĩnh, La sơn	N 42	2b	
ĐỨC 德	» Trần-hưng		Thừa-thiên, Hương trà	S 5	4 5	
ĐỨC 德	» Trịnh-hoài		Trần-biên, Bình trước	S 11	3b	nay là tỉnh lý, Biên-hòa
ĐƯỜNG 璉	Nguyễn	nhút danh An, tự	Nghệ-an, Thanh chương	S 20	1917	
ĐƯỜNG 璉	Tôn-thất	Chỉ-sơn, hiệu Cấn-trai	Huế	N 11	5a	
98						
GIA 吉	Nguyễn-hữu		Thừa-thiên, Hải lăng	S 26	8a 9b	
GIA 吉	Tôn-thất		Huế	N 11	6a	
GIA 吉	Bùi-văn		Nghệ-an, Nam đàn	N 40	4b	
GIÁC 吉	Doãn		Nam-định, Thư tri	N 33	5a	nay là Thái-bình
GIÁC 吉	LINH Hòa-thượng		Quảng-đông tỉnh	T 6	26b	
GIÁC 吉	NGỘ Hòa-thượng		Gia-định	N 43	8b	

(1) T. : Tiểu-biên, S. : Sơ-lập, N. : Nhị-lập

TIỂU-THUYẾT DÀI

TRÚC MAI SUM-HỌP

Số 19 của CHU-THIÊN

TAN tiệc, các quan về cả rồi, Phan-công và Lương-Thoa tỏ ý muốn về Lưu-đạo, Trần-Long và Liên-Tường cố ý lưu lại mà rằng :

— Trình lạy cha, xin cha hãy tạm ở chơi lại đây đêm bữa nửa tháng đợi xem tin tức trên kinh xét xử về em Tái-Tạo ra sao, rồi lúc ấy cha có muốn về, chúng con không dám giữ. Và cách xa hàng chục năm giờ, bây giờ mới lại được sum vầy, chúng con muốn được luôn luôn hầu hạ dưới gối.

Phan-công đành phải chiều ý con ở lại dinh.

Cảm kích vì tấm lòng tốt của chị em Lương Thoa và Lương Điền đối với Phan-công và nhân thấy Lương Điền chưa có vợ, Phan phu-nhân liền nghĩ ý với Phan-công và Lương-Thoa muốn gả Tiểu-Lan cho Lương Điền để thêm tình thân-mật giữa hai nhà. Tiểu-Lan khi ấy đã là một cô gái lớn đầy-đặn khỏe mạnh, với một vẻ đẹp thủy-mị đáng yêu. Cũng có

không ít nhà giàu sang trong hàng trấn đến dạm hỏi, nhưng Tiểu Lan còn quyến luyến Phao phu-nhân, chưa muốn đi lấy chồng, nên phu-nhân cũng chiều không nỡ ép. Và nàng còn muốn ở nhà để học tập văn-tự ở Liên-Tường và học thêm ít võ phòng thân nữa. Lương Thoa được biết người và biết nét Tiểu-Lan rồi, say lại thấy ý phu-nhân muốn tác thành cho em như vậy, trong lòng mừng lắm, nhưng không dám nhận ngay, phải đợi hỏi ý kiến Lương Điền đã, liền nói :

— Bẩm lạy lão quan và lão phu-nhân, phu-nhân có lòng thương mà nghĩ đến phận em tiện-thiếp côi-cút, muốn gây dựng cho ra người, ơn đức ấy thật là hơn mẹ thương con, tiện-thiếp xin chân thành cảm tạ. Nhưng tiện-thiếp thiết nghĩ phu-nhân lên hỏi xem ý cô Tiểu-Lan có thương đến phận bọt bèo không.

Phu-nhân nói :

— Điều đó di hai đừng ngại. Con Tiểu-Lan ngoan lắm, tôi bảo nó nghe ra ngay. Chỉ cần hỏi xem di và cậu Lương-Điền có bả g lòng không ?

Lương-Thoa liền đáp :

— Bẩm lão phu-nhân, tiện-thiếp cảm kích vì tấm lòng thương chu-đạo của phu-nhân lắm. Được như thế còn gì bằng, thật như cha mẹ sống lại. Chỉ sợ em tiện-thiếp phận hèn không dám với cao chẳng, nên xin phép phu-nhân cho tiện-thiếp được về hỏi ý nó xem sao.

Phu-nhân liền giục :

— Thế được. Vay di hai về ngay hỏi ý kiến cậu em đi. Nếu được, ta cho làm lễ cưới ngay. Hai trẻ cũng

đứng tuổi cả, mà chúng tôi thì một tuổi một già rồi. Thấy con trở thành thân, sớm là chúng tôi mừng sớm. Di hai bảo Liên-Tường vào đây, tôi bảo nó sắp xếp võng cho di về rồi lại sang ngay.

Phan-công nói :

— Muốn mau việc thì bảo sắp ngựa cho nhà hai có hơn không ?

Phu-nhân cười nói :

— À quên, tôi quên mất nhà nữ-kỵ của tôi. Vay nhờ nhà nữ-kỵ, bảo lấy ngựa mà đi.

Lương-Thoa cũng vui cười xin phép lui ra.

Nàng về Lưu-đạo bảo Lương-Điền. Lương-Điền ưng thuận ngay, nên hai chị em lại đưa nhau sang dinh trình rõ mọi ý nghĩ. Lương-Điền và Tiểu-Lan được phép gặp nhau đều tỏ vẻ tâm đầu ý hợp, bằng lòng nhau lắm. Mấy ngày sau cử hành lễ nghinh-hôn ngay từ dinh quan Đề-đốc về xóm Lưu-đạo. Muốn cho đám cưới đôi giai tài gái sắc này có vẻ khác đời Lương-Điền dẫn cưới toàn những quý vật ở trên rừng, với một con hươu một con sơn dương, một gánh nắm hương. Đám cưới rất vui vẻ. Lại tiệc tùng, lại ăn uống, luôn mấy ngày. Đưa chân Lương-Điền và Tiểu-Lan về Lưu-đạo rồi, cả gia đình Phan-công và Trần Đề-đốc lại trở về dinh. Thì vừa gặp chế của nhà vua ban xuống ân-xá cho Tái-Tạo. Trong lòng chế, Hoàng-thượng tỏ lời khen Tái-Tạo là bậc ký-tài, giữa đường gặp việc nghĩa quyết làm, nên tha cho tội lỗi và giao cho Trần-Long dạy-dỗ đến đến tuổi, nhà vua sẽ vời đến bổ dụng vào chức vụ của nước nhà.

Thế là cả nhà phúc-trạch dồi dào, ai nấy đều tỏ vẻ hân-hoan bái tạ đức Hoàng-thiên đã dành riêng cho nhà họ Phan câu « *Phước hũn trùng lai* ».

Lưu lại dinh mấy hôm đi cảm tạ quan Tổng-trấn và các quan chức trong trấn, rồi Phan-công định ngày đem cả gia-quyển về Lưu-đạo. Trần-Long và Liên-Tường cố tình lý lẽ lưu lại rằng :

Khẩn cáo

Bản chỉ xét sổ còn nhiều bạn mua báo chưa trả tiền.

Vậy các bạn nên kíp gửi ngay mandát về trả cho, chúng tôi rất cảm ơn các bạn

TRÍ TÂN

— Thưa cha mẹ, cha mẹ bây giờ một tuổi một già, chả còn mấy ngày nữa thì đến cõi. Xin cha mẹ ở lại đây cho chúng con được sớm hôm hầu-hạ. Cha mẹ khó nhọc đã nhiều rồi, chịu bao nhiêu đau đớn vì con gây ra. Nay xin cha mẹ cho phép chúng con được báo hiếu. Và cả nhà sum họp quây - quần lấy nhau cùng vui vẻ cảnh già.

Phan-công liền nói :

— Đã đành rằng như vậy Nhưng cha mẹ có bị vất vả chằng nữa, chẳng qua là số giới bất vậy để thử người ngay, chứ có phải tại con đâu. Hiếu tâm con đã động đến cả giới đất quỷ thần, nên mới lại có kỳ hội-ngộ này. Nay cha đã quen cảnh núi rừng. và có em con còn bé dại, cha muốn cho nó sống gần cảnh thiên - nhiên để nó dễ luyện nuôi cái tài nó hơn ở đây. Và từ đây đến đây nào có xa xôi gì cho lắm. Ta có thể đi lại luôn luôn, thì cha tưởng cũng như là ở liền vách với các con vậy.

Trần-Long không biết nói sao được nữa, đành phải sai sửa soạn võng ngựa, và sắp mọi thức cần dùng, để tiễn đưa Phan-công và Phan phu-nhân về Lưu-đạo. Lúc ra đi, Phan-công ân-cần có lời với Trần-Long rằng :

— Hiền-tế ơi ! Lão-phu xin mình tạ tấm lòng quý hóa của hiền-tế đối với cả gia-đình lão-phu. Cứu giúp cho cả một gia đình khỏi tan-nát, lại nuôi nấng tử-tế phu-nhân và cố-công tìm kiếm lão-phu. Thật ở đời này ít có. Lão phu cần về Lưu-đạo, là vì từ khi thoát khỏi ngục-bình, đã sẵn lòng ham thú sơn lâm, tìm nơi

u-nhã tĩnh-mịch để di-dưỡng khúc đời dư sinh trong lúc tuổi già, bây giờ thành quen đấy rồi, chứ không có gì khác, hiền-tế nên xét lại mà bỏ qua đi cho.

Trần-Long thưa :

— Đại lay thưa nhạc-phụ dạy quá, con khi nào dám có bụng thế.

Phan-công lại quay bảo Liên-Tường rằng :

— Con ơi từ nay bĩ cực đến tận thái lai rồi. Tâm địa cha con ta ngay thẳng, ngày nay giới đã đến bù lại cho rồi đấy. Thưa gia nay mừng lại có em con, nối mạch thư hương, nghiệp cũ tổ tông sau này may ra còn rạng rỡ. Con nên một lòng giữ gìn đạo vợ, giúp chồng yên việc trong gia-đình, mà rảnh chỉ làm việc cho đời.

Lúc ấy sắp sửa đã xong, Phan-công và Phan phu-nhân đã lên võng, Liên-Tường bồng nước mắt ràn-rụa, nước nở khóc, nói rằng :

— Thưa cha mẹ, đưa con bất hiếu này đã gây nên bao tai vạ để hai thân phải chịu bao nhiêu nỗi lầm than. O'á sinh thành chưa chút báo đền, phận con trẻ đem ngày càng áy-náy. Nay mẹ cha về nơi lâm-tần, cảnh an nhàn đâu được hả vui ; nhưng xa cách đình-vi, nỗi oán mộ nghĩ đến luống những đau lòng con lắm.

Phan phu-nhân cũng khóc, bảo :

— Con đừng nghĩ quá nó hại đến sức, rồi cha mẹ lại đến luôn, có đi mất đâu mà ngại ?

Tiểu-Lan cũng rơm-rớm nước mắt, bảo Liên-Tường :

— Thưa phu-nhân, việc hầu-hạ lão quan và lão phu nhân tiên-tỷ xin đảm nhận, phu nhân ngày thường đến thăm viếng luôn cũng tiện. Phu nhân không nên quá lo xa.

Liên-Tường liền nín lặng lau nước mắt gọi Tái Tạo mà dặn rằng :

— Em Tái Tạo ạ, em nên vì đưa chị mệnh bạc này mà thờ phượng hai thân thay chị, cho chị được yên lòng vững dạ. Còn em, em nên cố học hành tu tiến, để sau này làm nên được sự nghiệp lẫy lừng, thì chị đây cũng được chút phần vinh-hạnh.

còn nữa

CHU-THIÊN

Đề đăng tiếp sau Tiểu-thuyết « Trúc mai sum-hợp », Tri-Tân sẽ hiển bạn đọc một truyện rất hứng-thú.

Vấn-đề sử-học ở ta

Tiếp theo trang 3

« Tiền châu-tước : hòn Cấn, hòn Cỏ ;
« Hậu huyền-vũ : hòn Đổ, hòn Đen ;
« Tả thanh long có đánh Cù móng ;
« Hữu bạch-hổ có đeo Tó-mọ »

— Tài-liệu của anh Lê Thọ-Xuân

3) Nghĩa : Đại-la-thành là kinh-đô xưa, đóng ở giữa khu vực trong trời đất, được cái hình thế rồng uốn hồ châu, ở cái địa - vị ngay giữa nam, bắc, đông, tây, có cái tiện nghi của non sông hướng về hay day lại. Đất - đai thì rộng rãi mà bằng-phẳng, cao ráo mà sở sang. Nhân dân đã không có cái nạn tối-tăm trũng thấp ; muôn vật lại rất là phồn thịnh đầy-đủ. Xem suốt nước Việt, đây là đất đẹp hơn cả. Thật là nơi đô-hội trọng-yếu của bốn phương đông-đảo và là chốn kinh đô bậc nhất của đế - vương...
— Toàn văn chữ nho có in trong nhiều pho Quốc-sử và có dẫn trong Hoàng việt Văn tuyển quyển V, tờ 1 của Bùi Tồn Am.

4) Nay là phủ Lý-nhân.

Hai quyển sách cần cho ai định học chữ nho hay đã biết chữ nho muốn biết thêm :

Chữ nho học lấy | Mẹo chữ hán

Cử nhân Dương Bá-Trạc soạn | Bùi Trình-Khiêm soạn

Giá 1p — Cước 0p12 | Giá 0p35 — Cước 0p06

Đề cho : hiệu sách Đông Tây, 195 hàng Bông Hanoi

QUỐC-HỌC THƯ-XÃ

Mới phát hành

Học-thuyết mặc-từ

Tựa của cụ NGUYỄN-VĂN-TỔ, trường
Bác-cổ Viễn-đông

Sách thường giá 1p50 — Sách đẹp, lênh-chỉ 3p00,
bouffant 4p00. Vergé baroque crème 7p00, Ngự-chỉ
đặc biệt 5p00—(Có đánh số và chữ ký của tác giả)

Sắp phát-hành

Liều trai chí dị

Toàn những chuyện chọn-lọc, chưa dịch ra quốc-
văn bao giờ, cuốn sách đầu tiên trong tủ sách
« TIÊU-KHIÊN »

Tôn-từ binh-thư

Một bộ BINH-THƯ vạn cổ không bao giờ giảm
giá hay thất-thời, đã được dịch ra Pháp-văn từ
ngót hai thế-kỷ nay,

Thư từ ngân phiếu đề cho
Ô. Lê văn Hòe giám đốc Quốc Học Thư Xã
16 bis Tien Tsin Hanoi

Maón làm giàu, mua vé số

Đông-Pháp

1p.00 một vé

Những sách của

Lê-Thăng xuất bản

Imprimerie du Nord

133 Rue du Coton Hanoi

- 1-) Tiểu học Việt nam văn phạm giáo
khoa thư Nguyễn-quang-Oánh, sách đã được
ban kiểm-sách duyệt y (1) 1 p. 25
- 2-) Việt nam văn phạm, Trần-trọng-Kim 2 p. 50
- 3-) Grammaire Annamite Trần-trọng-Kim 3 p. 50
- 4-) Phật lục, Trần-trọng-Kim 0 p. 80
- 5-) De Hanoi à la Courtine Phạm-duy-Khiêm 1 p. 50

ĐANG TẠI BẢN

Nho giáo, Trần-trọng-Kim. 5 quyển. Sách in
làm 2 loại, loại thường và loại đặc biệt, toàn
bằng giấy dó. Loại đặc biệt in có hạn, độc
giả nào muốn mua xin giữ trước.

(1) Các giáo sư mua từ mười quyển trở lên
có trừ 15 %.

Đang in

VIỆT - NAM

CỔ VĂN HỌC SỬ

tác giả Nguyễn đồng-Chi, tựa của Trần-v-Giáp

Lời bạt của HUỲNH THỨC-KHANG

500 trang — Bia của Nguyễn đồ Cung —

Giá 4p50 — Bản Impérial d'Annam : 25p —

Bản dó lụa sông Thao : 20p —

Bản Super Glacé : 15p

AI gửi tiền mua trước ngày 1er Octobre 1942 sẽ
được trừ 10% và không phải trả tiền bưu phí

→ HÀN - HUYỀN

— 71 Tien Tsin Hanoi

VŨ-NGỌC-PHAN

NHÀ VĂN HIỆN ĐẠI

Toàn bộ 4 quyển — Mỗi quyển 2p

Loại sách đẹp giấy lụa dó 10p

Đã có bán quyển I

Những nhà văn hồi mới có chữ quốc-ngữ —
Nhóm « Đông - dương tạp chí » — Nhóm
« Nam-Phong tạp-chi ».

Có 12 bức ảnh các nhà văn

Xuất bản trong « Tủ sách Tao Đàn »

Nhà Xuất-bản Tân-Dân

Mua sách xin gửi tiền trước,
cả cước mỗi quyển là 0p30.

Không gửi lĩnh hóa giao ngân

Mandat gửi về : Nhà in Tân-Dân

93, Phố Hàng Bông, Hanoi

Directeur: Nguyễn Tường-Phượng

Imp. Spéciale du Tri-Tân Hanoi

Administrateur Gérant : Dương Tu-Quán